

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

Thời gian: vào lúc 7g30 ngày 16 tháng 5 năm 2025

Địa điểm: Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa – 502A Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thành phần tham dự: số lượng 24 cổ đông đại diện cho 8.598.802 cổ phần chiếm tỷ lệ 85,73% vốn điều lệ.

Nội dung Đại hội: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Công nghiệp & XNK Cao su.

DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:

1. Ông Phạm Cao Cường:

- Giới thiệu khách mời, Đoàn Chủ tịch.
- Bầu Đoàn Chủ tịch: Đại hội biểu quyết nhất trí 100% danh sách Đoàn chủ tịch.

• **Đoàn Chủ tịch:**

1. Ông Phan Đình Phúc : Chủ tịch HĐQT Công ty – Chủ tọa;
2. Ông Giang Hoa Vũ : Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty;
3. Ông Nguyễn Hồng Minh : Người đại diện vốn của Tập đoàn CNCsvn.

• **Đoàn Thư ký:**

1. Ông Nguyễn Bảo Châu : Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT
2. Bà Nguyễn Phương Giang : CV. Phòng Kế hoạch Kỹ thuật

2. Ông Phan Đình Phúc:

- Tuyên bố lý do, khai mạc Đại hội
- Giới thiệu Đoàn Thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông.
- Bầu Đoàn Thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông: Đại hội biểu quyết nhất trí 100% danh sách Đoàn Thư ký và Ban thẩm tra tư cách cổ đông.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp: báo cáo thủ tục xác nhận danh sách cổ đông (kèm biên bản).

4. Bà Triệu Thị Hồng Hoa: trình bày chương trình làm việc và Quy chế Đại hội

Đại hội biểu quyết nhất trí 100%

5. Ông Giang Hoa Vũ: thay mặt Ban điều hành công ty trình bày Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SX-KD năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.

6. Ông Lê Tuấn Linh thay mặt HĐQT báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng năm 2025.

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp: trình bày báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

8. Danh sách đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 – 2030 và giới thiệu danh sách Tổ bầu cử:

- Ông Phan Đình Phúc trình bày danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030:

1. Ông Nguyễn Hồng Minh
2. Ông Phan Đình Phúc
3. Ông Giang Hoa Vũ
4. Ông Lê Tuấn Linh
5. Bà Nguyễn Thị Hiền Trang

Đại hội đồng cổ đông nhất trí, không có ý kiến khác, Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua danh sách đề cử thành viên HĐQT với tỷ lệ đồng ý 100% của cổ đông dự họp.

- Ông Phan Đình Phúc trình bày danh sách đề cử, ứng cử Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 - 2030:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp
2. Bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo
3. Bà Võ Thị Quỳnh Tiên

Đại hội đồng cổ đông nhất trí, không có ý kiến khác, Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua danh sách đề cử, ứng cử Kiểm soát viên với tỷ lệ đồng ý 100% của cổ đông dự họp.

- Ông Phan Đình Phúc thay mặt Đoàn chủ tịch đề cử Ban bầu cử:

1. Vũ Đỗ Thùy Linh – Trưởng ban
2. Ông Phùng Tuấn Lâm – Phó Ban
3. Ông Phạm Cao Cường – Thành viên
4. Bà Trần Thị Hiền – Thành viên
5. Bà Vũ Thị Như Yến – Thành viên

Đại hội đồng cổ đông nhất trí, không có ý kiến khác, Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua danh sách Ban bầu cử với tỷ lệ đồng ý 100% của cổ đông dự họp.

9. Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su nhiệm kỳ 2025 – 2030.

10. Ông Lê Tuấn Linh: thay mặt HĐQT trình bày tờ trình xin ý kiến về các nội dung biểu quyết trong Đại hội.

- Vấn đề 1: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty (Riêng).

- Vấn đề 2: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

- Vấn đề 3: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị.

- Vấn đề 4: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát.

- Vấn đề 5: Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất, riêng năm 2024 đã kiểm toán của Công ty.

- Vấn đề 6: Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

- Vấn đề 7: Thống nhất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

- Vấn đề 8: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

- Vấn đề 9: Thống nhất kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Vấn đề 10: Thống nhất kết quả bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- Vấn đề 11: Thông qua các Quy chế: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Vấn đề 12: Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế khác phục vụ hoạt động của Công ty.

- Vấn đề 13: Thống nhất mức lương, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025.

- Vấn đề 14: Xin ý kiến ủy quyền cho Tổng giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn Công ty quyết định việc sử dụng các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

11. Ông Lê Tuấn Linh: thay mặt HĐQT trình bày Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

12. Đại hội thảo luận.

13. Bà Vũ Đỗ Thùy Linh: thay mặt Ban bầu cử báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su nhiệm kỳ 2025 – 2030:

Đến thời điểm 9 giờ 20 phút, số cổ đông và đại diện ủy quyền tham dự Đại hội là: 24 cổ đông, đại diện cho 8.598.802 cổ phần.

949
HỘI ĐỒNG
PHÁT
NGHỆ
HẬP K
O S
P H C

13.1. Bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030:

Tổng số cổ phần tham gia bỏ phiếu: 8.591.314 cổ phần

- Số cổ phần hợp lệ: 8.591.314 cổ phần, tỷ lệ 99,91% số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Kết quả kiểm phiếu bầu Thành viên HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CỔ PHẦN TÁN THÀNH	TỶ LỆ %
1	Ông Giang Hoa Vũ	9.237.172	107,42
2	Ông Nguyễn Hồng Minh	9.229.957	107,34
3	Ông Lê Tuấn Linh	9.152.831	106,44
4	Bà Nguyễn Thị Hiền Trang	7.668.547	89,18
5	Ông Phan Đình Phúc	7.668.063	89,18

13.2. Danh sách trúng cử Hội đồng quản trị:

Theo kết quả kiểm phiếu, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030 của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su gồm các thành viên sau:

1. Ông Giang Hoa Vũ
2. Ông Nguyễn Hồng Minh
3. Ông Lê Tuấn Linh
4. Bà Nguyễn Thị Hiền Trang
5. Ông Phan Đình Phúc

13.3. Bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025-2030:

Tổng số cổ phần tham gia bỏ phiếu: 8.592.227 cổ phần

- Số cổ phần hợp lệ: 8.592.227 cổ phần, tỷ lệ 99,92% số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số cổ phần biểu quyết dự họp.

Kết quả kiểm phiếu bầu Kiểm soát viên như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CỔ PHẦN TÁN THÀNH	TỶ LỆ %
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	9.462.197	110,04
2	Bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo	8.157.307	94,87
3	Bà Võ Thị Quỳnh Tiên	8.157.177	94,86

13.4 Danh sách trúng cử Kiểm soát viên:

Theo kết quả kiểm phiếu, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 – 2030 của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su gồm các thành viên sau:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp
2. Bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo
3. Bà Võ Thị Quỳnh Tiên

14. Tặng hoa chia tay Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên miễn nhiệm và ra mắt Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 – 2030.

15. Ông Nguyễn Bảo Châu: thay mặt Đoàn Thư ký trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

16. Ông Nguyễn Hồng Minh: biểu quyết thông qua các chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

- Vấn đề 1: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

- + Tổng doanh thu : 134.022.682.150 đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 3.457.406.311 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế : 3.457.406.311 đồng

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- Vấn đề 2: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

Theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài Chính quy định: Công ty cổ phần có cổ phần của Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ để xác định lợi nhuận sau thuế làm cơ sở phân phối.

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của công ty đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế là: 3.457.406.311 đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2024 là: - 674.395.245 đồng. Công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2024.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- Vấn đề 3: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị.

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- Vấn đề 4: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- Vấn đề 5: Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất, riêng năm 2024 đã kiểm toán của Công ty.

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- Vấn đề 6: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

* Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Riêng):

- Tổng doanh thu : 84.024.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 2.720.000.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 2.720.000.000 đồng

- Tổng nhu cầu vốn XDCB: 13.700.000.000 đồng

Chỉ tiêu lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa và Công ty TNHH MTV TM & Địa ốc Hồng Phúc.

* Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Hợp nhất):

- Tổng doanh thu : 309.231.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 3.400.000.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 2.720.000.000 đồng

- Tổng nhu cầu vốn XD CB: 26.440.000.000 đồng

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội



- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- **Vấn đề 7:** Thống nhất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Lợi nhuận sau thuế phân phối: 2.720 triệu đồng

- + Bù lỗ lũy kế : 674 triệu đồng
- + Trích quỹ đầu tư phát triển : 510 triệu đồng
- + Trích quỹ thưởng người quản lý : 200 triệu đồng
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 333 triệu đồng
- + Chia cổ tức (1% VDL) : 1.003 triệu đồng

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- **Vấn đề 8:** Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025:

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

- + Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- + Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Trường hợp 3 đơn vị này không tham gia, giao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- **Vấn đề 9:** Thống nhất kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030:

Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030 gồm 05 thành viên:

- Ông Nguyễn Hồng Minh
- Ông Giang Hoa Vũ
- Ông Lê Tuấn Linh
- Ông Phan Đình Phúc

0941
NG T
PHÁ
NGHI
NHẬP
AOS
T.P.H

- Bà Nguyễn Thị Hiền Trang

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 10:* Thống nhất kết quả bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025-2030:

Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030 gồm 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp
- Bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo
- Bà Võ Thị Quỳnh Tiên

- + Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 11:* Thông qua và ban hành các quy chế:

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 12:* Xin ý kiến ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế khác phục vụ hoạt động của Công ty.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- + Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội
- + Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 13:* Thống nhất mức lương, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2025:

+ Tiền lương của Chủ tịch HĐQT công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí người quản lý doanh nghiệp hạng III, Phụ lục 02 tại Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

+ Tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 21.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí người quản lý doanh nghiệp hạng III, Phụ lục 02 tại Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

+ Tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/ tháng (theo tiêu chí người quản lý doanh nghiệp hạng III, Phụ lục 02 tại Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

+ Mức thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/ tháng.

+ Mức thù lao của thành viên BKS không chuyên trách: 1.000.000 đồng/ người/ tháng.

+ Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thư ký Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của công ty con: mức lương, mức thù lao sẽ do Hội đồng quản trị công ty quyết định.

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

- *Vấn đề 14* : Xin ý kiến ủy quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn quyết định sử dụng các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng quy định.

Đại hội biểu quyết thông qua:

+ Tán thành: 8.598.802 cổ phần, chiếm 100% số cổ phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

+ Ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

17. Ông Nguyễn Hồng Minh: bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su kết thúc vào lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày.

TM. ĐOÀN THƯ KÝ



Nguyễn Bảo Châu

Nơi nhận:

- HĐQT; Ban Kiểm soát;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Phan Đình Phúc

Số: 02 /NQ-ĐHĐCĐRBC

TP.HCM, ngày 16 tháng 05 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XNK CAO SU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2023;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu cao su ngày 16/5/2025,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 134.022.682.150 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.457.406.311 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 3.457.406.311 đồng

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài Chính quy định: Công ty cổ phần có cổ phần của Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ để xác định lợi nhuận sau thuế làm cơ sở phân phối.

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của công ty đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế là: 3.457.406.311 đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2024 là: - 674.395.245 đồng. Công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2024.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý



3. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị
Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý
4. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.
Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý
5. Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất, riêng năm 2024 đã kiểm toán của Công ty.
Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý
6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

* Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Riêng):

- Tổng doanh thu : 84.024.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.720.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.720.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XD CB : 13.700.000.000 đồng

Chỉ tiêu lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH MTV
Chế biến gỗ Đồng Hòa và Công ty TNHH MTV TM & Địa ốc Hồng Phúc.

* Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Hợp nhất):

- Tổng doanh thu : 309.231.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.400.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.720.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XD CB : 26.440.000.000 đồng

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

7. Thống nhất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 :

Lợi nhuận sau thuế phân phối: 2.720 triệu đồng

- + Bù lỗ lũy kế : 674 triệu đồng
- + Trích quỹ đầu tư phát triển : 510 triệu đồng
- + Trích quỹ thưởng người quản lý : 200 triệu đồng
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 333 triệu đồng
- + Chia cổ tức (1% VDL) : 1.003 triệu đồng

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi
nhuận chính thức năm 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

13. Thống nhất mức lương, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2025:

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí người quản lý doanh nghiệp hạng III, Phụ lục 02 tại Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

- Tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 21.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí người quản lý doanh nghiệp hạng III, Phụ lục 02 tại Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí người quản lý doanh nghiệp hạng III, Phụ lục 02 tại Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 1.000.000 đồng/tháng/người.

- Thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách: 1.000.000 đồng/tháng/người.

- Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của Công ty con: mức lương, mức thù lao sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

14. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn Công ty quyết định sử dụng các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su năm 2025 quyết tâm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội đề ra để xây dựng Công ty ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

Nơi nhận :

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Phan Đình Phúc

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025:

8.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

- Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

8.2. Trường hợp 3 đơn vị này không tham gia, giao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

9. Thống nhất kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030:

Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030 gồm 05 thành viên:

- Ông Nguyễn Hồng Minh
- Ông Giang Hoa Vũ
- Ông Lê Tuấn Linh
- Ông Phan Đình Phúc
- Bà Nguyễn Thị Hiền Trang

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

10. Thống nhất kết quả bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025-2030:

Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030 gồm 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp
- Bà Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo
- Bà Võ Thị Quỳnh Tiên

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

11. Thông qua và ban hành các quy chế:

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý

12. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế khác phục vụ hoạt động của Công ty.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: 100% đồng ý



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TRA XÁC NHẬN TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

- Kính thưa Đoàn Chủ tịch
- Kính thưa các vị khách quý
- Cùng toàn thể cổ đông tham dự đại hội.

Được sự phân công của Ban tổ chức Đại hội, tôi xin trình bày Báo cáo tình hình Cổ đông Công ty và kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông như sau:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 06/04/2023;
- Căn cứ quyết định số: 32/QĐ-HĐQT/BC ngày 22 tháng 04 năm 2025 về việc thành lập Ban kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su,

Hôm nay, vào lúc 07 giờ 45 phút ngày 16 tháng 05 năm 2025 tại Hội trường Công ty TNHH MTV CBG Đông Hòa, địa chỉ số 502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Ban Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông gồm có các thành viên sau đây:

- | | | |
|----------------------------|------------------------|--------------|
| 1) Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp | - Trưởng Ban Kiểm soát | - Trưởng Ban |
| 2) Ông Phùng Tuấn Lâm | - Phó Phòng TCKT | - Thành viên |
| 3) Bà Vũ Thị Như Yến | - Chuyên viên P.TCKT | - Thư ký |

Báo cáo Đại hội tình hình Cổ đông Công ty và kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông.

I. Tình hình Cổ đông Công ty:

Tính đến ngày 15/4/2025, Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su có vốn điều lệ: **100.303.080.000 đồng**, tương ứng **10.030.308 cổ phần** của 374 Cổ đông sở hữu.

Trong đó:

- Có 05 Cổ đông pháp nhân, sở hữu: 8.617.663 cổ phần, chiếm 85,92% VDL.
- 368 Cổ đông cá nhân, sở hữu: 1.286.045 cổ phần, chiếm 12,82% VDL.



- Và Cổ phiếu Quỹ: 126.600 cổ phần, chiếm 1,26% VDL.

II. Kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông:

1. Tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 gồm 24 Cổ đông, sở hữu và đại diện theo uỷ quyền, đại diện cho: **8.598.802 cổ phần**.

2. Số Cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội là **24 cổ đông**, sở hữu và đại diện số hữu cho **8.598.802 cổ phần**. Bao gồm:

2.1. Cổ đông là pháp nhân:

2.1.1. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: **6.933.333 cổ phần**:

- Do Ông **Nguyễn Hồng Minh** đại diện : 3.523.028 cổ phần
- Do Ông **Giang Hoa Vũ** đại diện : 2.006.062 cổ phần
- Do Ông **Lê Tuấn Linh** đại diện : 1.404.243 cổ phần

2.1.2. Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai: **1.336.000 cổ phần**

- Do Bà **Nguyễn Thị Hiền Trang** đại diện.

2.1.3. Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc: **5.000 cổ phần**

- Do Ông **Phan Trọng Quỳnh** đại diện.

2.1.4. Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao Su : **126.600 cổ phần**

- Do Ông **Phan Đình Phúc** đại diện.

2.2. Cổ đông là cá nhân:

Gồm có **19 cổ đông** tham dự, đại diện **197.869 cổ phần**.

3. Tỷ lệ cổ phần tham dự trên tổng số cổ phần phát hành của Công ty chiếm: **85,73%**

4. Theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su đủ điều kiện tiến hành.

Ban kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông xin báo cáo trước Đại hội.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

TM. BAN KIỂM TRA, XÁC NHẬN TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

THƯ KÝ



Vũ Thị Như Yến



Nguyễn Thị Ngọc Hiệp



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU



RUBICO

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Tháng 5 năm 2025



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

1. Chương trình đại hội
2. Báo cáo của Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý điều hành Công ty năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.
4. Tờ trình về một số vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.
6. Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán.
7. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
8. Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 – 2030
9. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
10. Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị
11. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
12. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
13. Danh sách lý lịch trích ngang nhân sự ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 - 2030

BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ NĂM 2025



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

Thời gian : 07 giờ 30 phút ngày 16/5/2025 (thứ sáu)

Địa điểm : Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa

502A Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Stt	Nội dung
1	Đón tiếp cổ đông, khách mời
2	Chào cờ - Giới thiệu khách mời – Giới thiệu Đoàn chủ tịch
3	Tuyên bố lý do – Khai mạc Đại hội Giới thiệu Đoàn thư ký - Giới thiệu Ban thẩm tra tư cách cổ đông
4	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông
5	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội
6	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025
7	Báo cáo của HĐQT về công tác quản trị Công ty năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025
8	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025
9	Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 – 2030 - Giới thiệu nhân sự đề cử - Giới thiệu Ban bầu cử - Thông qua Quy chế bầu cử - Hướng dẫn bầu cử - Bầu cử
10	- Trình bày Tờ trình xin ý kiến Đại hội - Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
11	Đại hội thảo luận
12	Công bố kết quả bầu cử
13	Giải lao
14	Ra mắt Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030
15	Chia tay Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025
16	Lãnh đạo Tập đoàn phát biểu
17	Đáp từ của Lãnh đạo Công ty
18	Trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội
19	Biểu quyết các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội
20	Bế mạc Đại hội

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SX-KD năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SX - KD NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 lĩnh vực: sản xuất xuất khẩu sản phẩm gỗ, sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su, kinh doanh thương mại, cho thuê kho và các dịch vụ hậu cần cho cao su.

Thực hiện kế hoạch năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, ngay từ đầu năm Công ty đã sớm triển khai thực hiện với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2024. Tuy nhiên từ năm 2023 tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, lạm phát tăng và bất ổn về chính trị tại một số quốc gia, dẫn đến tình hình tiêu thụ hàng hóa ngày càng giảm sút, các lĩnh vực sản xuất giảm dần về quy mô và sản lượng. Năm 2024 tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, nhanh và khó lường với nhiều rủi ro, bất ổn, dù vậy kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi nhưng chậm. Do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn: lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su vẫn tiếp tục dừng sản xuất; lĩnh vực sản xuất gỗ tuy dần có đơn hàng nhưng nhiều mẫu mã mới và khó, công phu đòi hỏi tay nghề cao nên năng suất giảm, sản lượng sản xuất chưa tăng; lĩnh vực kinh doanh cũng chưa khởi sắc do nhu cầu về tiêu dùng và sản xuất giảm; một số đối tác thuê mặt bằng sản xuất xin trả mặt bằng hoặc miễn giảm tiền thuê do họ cũng khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

Dù vậy Ban lãnh đạo công ty và các đơn vị trực thuộc đã nỗ lực đưa ra các biện pháp: tìm kiếm thêm khách hàng mới, tăng cường hoạt động kinh doanh dịch vụ, tiết kiệm chi phí quản lý,... để phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.



II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 CỦA CÔNG TY:

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 cụ thể như sau:

1. Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp:

Lĩnh vực sản xuất sản phẩm cao su đã tạm dừng hoạt động từ quý 4 năm 2022, đến nay đơn vị chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại, cho thuê mặt bằng, hợp tác sản xuất, quản lý tài sản chờ di dời.

Hiện tại UBND tỉnh Đồng Nai đã công bố kế hoạch di dời KCN Biên Hòa 1, theo đó Xí nghiệp Tam Hiệp sẽ thực hiện di dời trước tháng 12/2025. Do vậy hoạt động cho thuê mặt bằng, kho bãi gặp khó khăn do khách hàng hợp tác sản xuất đã giảm dần mặt bằng nhà xưởng để di dời sang địa điểm khác, một số khách hàng thuê kho không thuê nữa, đơn vị chỉ hoạt động kinh doanh và tìm kiếm khách hàng thuê kho ngắn hạn để tăng nguồn thu, bù đắp một phần chi phí hoạt động.

2. Xí nghiệp Kho Vận:

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực: cho thuê mặt bằng, cho thuê kho, dịch vụ kho vận, kinh doanh thương mại,.... Từ cuối năm 2023 đến nay hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp gặp khó khăn do tình hình chung về kinh tế, khách hàng về dịch vụ kho – logistics ít giao dịch, khách hàng thuê kho trả mặt bằng, vì vậy Xí nghiệp cố gắng tìm kiếm thêm các khách hàng khác để tăng hiệu quả kinh doanh.

3. Văn phòng Công ty:

Văn phòng Công ty ngoài chức năng là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, còn tổ chức các hoạt động kinh doanh - dịch vụ, hoạt động tài chính,... để tạo thêm nguồn thu bù đắp một phần các khoản chi phí của Công ty.

4. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2024:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
Sơ chế gỗ phôi cao su	m3	3.000	0	0%
Kinh doanh cao su	tấn		2.093,28	
Tổng doanh thu	tr đồng	105.790	134.023	127%
Tổng chi phí	tr đồng	102.470	130.566	127%
Lợi nhuận trước thuế	tr đồng	3.320	3.457	104%
Lợi nhuận sau thuế	tr đồng	3.320	3.457	104%
Đầu tư XDCB	tr đồng	14.355	2.370	17%
- Xây lắp	tr đồng	3.755	534	14%
- Thiết bị	tr đồng	10.600	1.836	17%

Lao động bình quân	người	41	39	95%
Thu nhập bình quân (tháng/người)	tr đồng	14,572	14,956	102%

(Chỉ tiêu lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đông Hòa và Công ty Hồng Phúc)

Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty và các đơn vị đã nỗ lực rất nhiều để đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn như: tìm kiếm thêm khách hàng, mở rộng lĩnh vực cũng như thị trường kinh doanh, sắp xếp tổ chức lại hoạt động sản xuất và bộ máy quản lý phù hợp, đồng thời áp dụng các giải pháp để tiết giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí quản lý, nhằm gia tăng nguồn thu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch năm 2024.

Đạt được kết quả này là do sự nỗ lực của CB-CNV-NLĐ toàn Công ty, sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Ban Lãnh đạo Công ty và sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo Tập đoàn trong việc duy trì ổn định sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn.

5. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024:

Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài Chính quy định: Công ty cổ phần có cổ phần của Nhà nước; hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ để xác định lợi nhuận sau thuế làm cơ sở phân phối lợi nhuận.

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của công ty đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế năm 2024 là: 3.457.406.311 đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2024 là: - 674.395.245 đồng. Do đó Công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2024.

III. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN (100% VỐN GÓP):

1. Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa:

Chức năng chính của đơn vị là sản xuất và xuất khẩu sản phẩm gỗ tinh chế. Ngay từ đầu năm, đơn vị đã nỗ lực tìm kiếm thêm một số khách hàng mới nhằm có đủ đơn hàng sản xuất ổn định và duy trì các khách hàng truyền thống

Tình hình khó khăn chung của ngành gỗ vẫn tiếp tục từ năm 2023 đến nay, năm 2024 bắt đầu có thêm đơn hàng nhưng hầu hết là mẫu mã mới và khó, công phu, kết hợp nguyên liệu khác đòi hỏi tay nghề cao, công lao động nhiều nên năng suất giảm, sản lượng sản xuất chưa cao. Do vậy, tiền lương bình quân tháng của người lao động thấp nên lao động nghỉ việc nhiều, đặc biệt là lao động có tay nghề. Tuy nhiên Công ty không thể tăng lương để hỗ trợ người lao động vì vượt các quy định về quỹ lương và chi tiền lương.

Ngoài ra do tình hình tiêu thụ chưa khả quan nên khách hàng giảm giá bán, tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm nên phát sinh tăng chi phí. Công ty đã nỗ lực tìm kiếm thêm khách hàng mới, đơn hàng mới thông qua việc tham gia các hội chợ, triển lãm,... để bổ sung đơn hàng duy trì sản xuất. Song song đó đơn vị tổ chức sắp xếp lại sản xuất phù hợp điều kiện thực tế, tiết kiệm chi phí để có thể duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và hoàn thành kế hoạch năm 2024. Trong năm 2024, đơn vị đã nhận được đơn hàng với tổng trị giá khoảng 4,3 triệu USD, sản lượng sản xuất: 2.125,18m³, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính trong năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
Sản xuất gỗ tinh chế	m ³	2.400	2.125,18	89%
Tiêu thụ gỗ tinh chế	m ³	2.400	2.015,62	84%
Tổng doanh thu	tr đồng	152.268	125.821	83%
Tổng chi phí	tr đồng	150.068	123.619	83%
Lợi nhuận trước thuế	tr đồng	2.200	2.202	100%
Lợi nhuận sau thuế	tr đồng	1.760	1.893	108%
Đầu tư XDCB	tr đồng	6.160	1.571	26%
- Xây lắp	tr đồng	1.240	918	74%
- Thiết bị	tr đồng	4.920	653	13%
Lao động bình quân	người	277	255	92%
Thu nhập bình quân (tháng/người)	tr đồng	9,276	9,640	104%

2. Công ty TNHH MTV Thương Mại & Địa ốc Hồng Phúc:

Công ty Hồng Phúc chuyên kinh doanh thương mại các mặt hàng: cao su, hạt nhựa, thực phẩm đông lạnh. Năm 2024 do ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế thế giới, nhu cầu về tiêu dùng và sản xuất giảm nên tình hình kinh doanh cũng gặp nhiều khó khăn. Dù vậy Công ty Hồng Phúc nỗ lực tìm kiếm thêm khách hàng, tiết kiệm chi phí,... để hoàn thành kế hoạch năm 2024.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính trong năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
Kinh doanh cao su	tấn	300	100	33%
Kinh doanh hạt nhựa	tấn	1.800	1.430	79%

Kinh doanh thực phẩm	tấn	200	179	90%
Tổng doanh thu	tr đồng	96.908	82.028	85%
Tổng chi phí	tr đồng	95.708	80.818	84%
Lợi nhuận trước thuế	tr đồng	1.200	1.210	101%
Lợi nhuận sau thuế	tr đồng	960	960	100%
Lao động bình quân	người	7	6	86%
Thu nhập bình quân (tháng/người)	tr đồng	12,622	14,726	116%

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHÁC:

1. Công tác tài chính:

Công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính – tài sản hoạt động theo đúng quy chế tài chính và điều lệ của Công ty, đồng thời tuân thủ các quy định của luật kế toán và pháp luật Nhà nước. Vận dụng chế độ chứng từ kế toán, luân chuyển chứng từ theo quy định.

Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Tập đoàn và các cơ quan ban ngành theo đúng quy định.

a. Công tác thu hồi công nợ quá hạn khó đòi:

Tổng hợp công nợ phải thu quá hạn khó đòi đến ngày 31/12/2024: **23.672.677.201 đồng**, gồm các công nợ sau:

- Công ty CP Chế biến & XNK Thủy sản Đồng Tháp : 8.956.471.270 đồng
- Công ty CP SX-XNK Lâm sản & hàng thủ công nghiệp: 3.870.681.600 đồng
- Công ty TNHH SX-TM-DV Hữu Nghị : 7.843.792.484 đồng
- Cơ sở Huệ Toàn (Bà Lê Thị Huệ) : 437.851.910 đồng
- Công ty TNHH Quốc tế Trường Thành : 520.800.000 đồng
- Công ty CP Ngọc Hà : 150.000.000 đồng
- Bà Trần Thị Đông (Công ty Habufa Meubelen B.V) : 598.001.664 đồng
- Ông Võ Anh Thảo (Công ty A.T.O.M Food - Thailan) : 1.295.078.273 đồng

Công ty đã thực hiện trích dự phòng công nợ quá hạn khó đòi theo đúng quy định, tổng số tiền đã trích: 23.000.335.537 đồng.

Công ty đã tiến hành thủ tục khởi kiện các đơn vị này và đang trong quá trình Tòa án thụ lý và xét xử.

b. Các khoản tồn đọng:

Trong báo cáo tài chính của Công ty đang tồn tại các khoản mục chưa được xử lý qua nhiều năm, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)	Năm phát sinh	Hiện trạng
1	Tài sản thiếu chờ xử lý	6.315.619.963	2001	Công ty vẫn đang tiếp tục chờ văn bản từ Văn phòng Chính Phủ để có hướng xử lý cụ thể.
2	Phải thu cổ phần hóa trả chậm	107.858.493	2005	Khi chia cổ tức, Công ty sẽ thực hiện trừ nợ đối với các cổ đông này.
3	Công nợ ứng trước Công ty kiểm định XD & TVĐT Đông Á (Cty Đông Á)	50.000.000	2010	Từ năm 2016 Công ty đã không còn nhu cầu thực hiện dự án công trình xây dựng nhà xưởng 4 Tam Phước (2.772 m2). Hợp đồng số 12/HĐKT-RBC ngày 04/02/2010 không thể tiếp tục thực hiện, Công ty không thu hồi được khoản tạm ứng 50.000.000 đồng. Khoản mục này đã được trích dự phòng.
4	Thuế GTGT không được xét hoàn tại Công ty CP CN & XNK Cao su – Chi nhánh Hà Nội	745.363.646	2015	<ul style="list-style-type: none"> + Tiền gửi ngân hàng tại CN Hà Nội chưa kết chuyển về Công ty mẹ: 4.982.964 đồng. + Thuế GTGT của các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp để lại khấu trừ tiếp: 35.650.563 đồng. + Thuế GTGT XK cao su được khấu trừ tại Chi nhánh Hà Nội: 704.730.119 đồng (biên bản kiểm tra thuế tháng 01/2015 của Chi cục thuế Hai Bà Trưng, Hà Nội kết luận số thuế này không được hoàn).

5	Chi phí dự án 4/35 Độc Lập, Quận Tân Phú (TP.HCM) chưa thực hiện thanh quyết toán.	2.976.590.931	2005	Công ty đã nhiều lần gửi thông báo đề nghị các đối tác góp vốn thực hiện nghĩa vụ của mình theo nội dung hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên đến nay, các đối tác góp vốn vẫn chưa thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trên hợp đồng góp vốn với Công ty.
6	Hàng gửi bán	34.865.443	2010	Là sản phẩm bàn ghế gửi bán phát sinh từ Xí nghiệp Lâm Hòa Phát từ năm 2010, sau đó Xí nghiệp Lâm Hòa Phát giải thể, kết chuyển số hàng hóa này về sổ sách kế toán của Công ty mẹ. Từ ngày 31/12/2015 không có biên bản xác nhận của khách hàng. Khoản mục này đã được trích dự phòng.
7	Chi phí dự án Trảng Bom	1.063.349.360	2010	Công ty đã thống nhất với 2 đơn vị góp vốn về việc chấm dứt thực hiện dự án, thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Tuy nhiên Công ty CP Địa Ốc 9 chưa đồng ý phân phối chi phí thực hiện theo tỷ lệ góp vốn. Công ty đã gửi hồ sơ đến Công ty Luật để tư vấn về trường hợp trên, dự kiến Công ty sẽ giải quyết theo tư vấn của Công ty Luật.

* Đối với các khoản tồn đọng trên Công ty đang thực hiện cân đối tình hình tài chính, lựa chọn thời điểm thích hợp để xử lý theo đúng quy định pháp luật.

2. Công tác đầu tư tài chính dài hạn:

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số tiền đầu tư ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là: **11.908.100.000 đồng**, bao gồm:

- Công ty CP Thương mại DV và Du lịch cao su : 2.596.100.000 đồng
- Công ty CP Đầu tư xây dựng và XNK Cao su : 1.500.000.000 đồng
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh : 6.312.000.000 đồng
- Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam: 1.500.000.000 đồng

Căn cứ báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán tại các đơn vị trên, Công ty đã thực hiện trích dự phòng theo quy định đối với các đơn vị có kết quả lỗ lũy kế, cụ thể như sau:

+ Trích dự phòng đầu tư tại Công ty CP Thương mại & Dịch vụ Du lịch Cao su: 2.446.969.149 đồng (tương đương 94,26% vốn góp).

+ Trích dự phòng đầu tư tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng & XNK Cao su: 1.418.084.760 đồng (tương đương 94,53% vốn góp).

Công ty đã có kế hoạch thoái vốn tại các đơn vị đầu tư ngoài ngành, nên đã làm văn bản trình Lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt việc thoái vốn để sớm thu hồi vốn tập trung cho sản xuất kinh doanh.

Tháng 11 năm 2021 Lãnh đạo Tập đoàn đã có văn bản thỏa thuận chủ trương cho Công ty thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh và Công ty CP Phát triển đô thị & KCN Cao su Việt Nam, dự kiến Công ty sẽ triển khai thực hiện trong năm 2022. Tuy nhiên đến nay Công ty chưa triển khai thực hiện được vì vẫn đang chờ hướng dẫn và thông tin về thẩm định giá của Tập đoàn và các đơn vị trong ngành để thực hiện theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn trong văn bản thỏa thuận. Công ty cũng đã báo cáo Lãnh đạo Tập đoàn về việc chưa thực hiện này.

3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024 của toàn Công ty được Tập đoàn thỏa thuận là: 20,515 tỉ đồng, gồm:

- Xây lắp: 4,995 tỉ đồng
- Thiết bị: 15,520 tỉ đồng

Trong năm 2024 do tình hình SXKD còn nhiều khó khăn, Công ty chỉ triển khai thực hiện một số hạng mục đầu tư phục vụ nhu cầu cấp thiết trong hoạt động SXKD với tổng giá trị đầu tư là 3,941 tỉ đồng đạt 19% kế hoạch năm, gồm:

- Xây lắp: 1,452 tỉ đồng
- Thiết bị: 2,489 tỉ đồng

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Luật đấu thầu, tiến độ thực hiện đạt yêu cầu, chất lượng và khối lượng công việc tuân thủ theo thiết kế dự toán và tiên lượng ban đầu.

4. Tình hình thực hiện các dự án:

*** Khu dân cư Trảng Bom – Đồng Nai:**

Đã trình bày chi tiết tại mục b phần IV.1

*** Khu Bình Điền - Quận 8:**

Công ty đã nhận được Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND Quận 8 về việc duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi toàn bộ nhà xưởng tại khu đất số 79 Bến Lức Phường 7 Quận 8 TP.HCM. Theo đó tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 5.000.000.000 đồng (năm tỉ đồng). Công ty đã làm văn bản báo cáo Hội đồng quản trị, báo cáo lãnh đạo Tập đoàn. Ngày 19/02/2019 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã có văn bản số: 452/CSVN-KHĐT gửi UBND TP.HCM, UBND Quận 8 và một số cơ quan chức năng về việc không đồng ý mức bồi thường trên.

Ngày 08/3/2019 UBND Quận 8 đã có văn bản số: 661/UBND-BBT gửi Tập đoàn Công nghiệp Cao su để phúc đáp về các cơ sở pháp lý trong việc tính toán và xác định số tiền bồi thường của khu đất Bình Điền. Tuy nhiên đến nay UBND Quận 8 vẫn chưa triển khai việc bồi thường nên Công ty vẫn chưa bàn giao khu đất.

5. Công tác tổ chức - cán bộ:

*** Công tác tổ chức:**

Công ty hiện có 03 phòng nghiệp vụ và 05 đơn vị, trong đó có 02 Công ty TNHH MTV, gồm: Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa và Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa Ốc Hồng Phúc; 03 Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp, Xí nghiệp Kho Vận và Xí nghiệp Tam Phước. Xí nghiệp Tam Phước không trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ cho thuê mặt bằng nhà xưởng và máy móc thiết bị, do văn phòng Công ty mẹ quản lý.

Công ty thường xuyên triển khai rà soát, xây dựng, điều chỉnh hệ thống văn bản nội bộ cho phù hợp quy định pháp luật hiện hành, của Tập đoàn và tình hình thực tế của Công ty.

Công ty đã thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026; giai đoạn 2026-2031 trình Tập đoàn theo quy định; thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Tập đoàn quản lý và các chức danh do Công ty quản lý; thực hiện chuyển xếp lương, nâng bậc lương cho cán bộ quản lý và người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn.



*** Công tác cán bộ:**

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh thuộc Tập đoàn quản lý:

+ Cử ông Giang Hoa Vũ đại diện vốn của Công ty Cp Công nghiệp và XNK Cao su, tham gia Hội đồng thành viên, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV CBG Đồng Hòa.

+ Chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Võ Trọng Nhân, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc.

+ Bổ nhiệm lại bà Trần Thị Hải Lâm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc.

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm ông Nguyễn Bảo Châu, Kế toán trưởng Công ty là Người phụ trách quản trị Công ty kiêm thư ký Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su kể từ ngày 15/10/2024.

- Thực hiện thủ tục bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh do Công ty quản lý.

6. Công tác Lao động – Tiền lương:

- Lao động bình quân toàn Công ty : 300 người, trong đó:
 - + Người quản lý : 07 người
 - + Lao động chuyên môn nghiệp vụ : 49 người
 - + Lao động phục vụ, bảo vệ : 22 người
 - + Lao động trực tiếp sản xuất : 222 người
- Lao động nữ : 125 người
- Lao động là người dân tộc thiểu số : 51 người
- Thu nhập bình quân NLD : 10.291.000 đồng/người/tháng

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch lao động, kế hoạch tiền lương theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Văn phòng Công ty và các đơn vị thành viên đều xây dựng phương án trả lương; xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương và thực hiện chi trả tiền lương đầy đủ, kịp thời và công khai.

*** Chế độ chính sách:**

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước (khám sức khỏe định kỳ, trang cấp bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, ...).

- Thực hiện đầy đủ chế độ trang bị bảo hộ cá nhân, bồi dưỡng độc hại, các biện pháp về an toàn phòng chống cháy nổ; cử người lao động tham gia các khóa đào tạo, tập huấn.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- Tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động.

7. Công tác thanh tra, bảo vệ, quân sự:

Thực hiện đầy đủ các báo cáo theo hướng dẫn Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các sở ban ngành theo quy định.

Các đơn vị thành viên đã chủ động phối hợp cùng chính quyền địa phương duy trì lực lượng dân quân tự vệ tại đơn vị, tham gia tập huấn công tác dân quân tự vệ theo kế hoạch của địa phương.

Đảm bảo công tác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản của đơn vị.

Năm 2024 không có đơn thư khiếu nại tố cáo gửi về Công ty.

8. Công tác thi đua, khen thưởng:

Phối hợp với Công đoàn tổng kết phong trào thi đua khen thưởng cả năm; thi đua nước rút 03 tháng cuối năm 2024. Chấm điểm mức độ hoàn thành công việc và bình xét đề nghị khen tặng các tập thể, cá nhân gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua năm 2024.

9. Công tác đoàn thể - phong trào:

- Công ty đã tổ chức Hội nghị đại biểu người lao động năm 2024.

- Phối hợp Công đoàn chăm lo Tết Nguyên đán năm 2024 cho người lao động, tặng quà tết cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn.

- Công đoàn phối hợp Công ty tổ chức tổng kết phong trào thi đua 2 giới năm 2024 và tặng quà cho lao động nữ nhân dịp 8/3 và 20/10.

- Tổ chức các hoạt động phong trào nhân dịp tháng Công nhân, tháng An toàn vệ sinh lao động. Tham gia hội thao ngành Cao su khu vực IV đạt giải 03 toàn đoàn.

- Tổ chức khen thưởng và tặng quà các cháu là con CB-CNV NLĐ Công ty nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu.

- Tổ chức thăm hỏi người lao động ốm đau, tai nạn, thăm viếng tứ thân phụ mẫu của người lao động, tặng quà sinh nhật cho người lao động.

- Tổ chức thực hiện an toàn vệ sinh lao động: trang bị bảo hộ cá nhân, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ, các biện pháp về an toàn phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện các công tác PCCC, vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự,.... theo đúng các quy định hiện hành.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2025 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2025:

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 của các đơn vị và toàn Công ty, trên cơ sở các nguồn lực hiện có, đồng thời dự báo tình hình thị trường cũng như khả năng thực hiện trong năm 2025, Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2025 với các chỉ tiêu chính sau:

1. Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Riêng):

- Kinh doanh mủ cao su : 1.200 tấn
- Khai thác mặt bằng : 68.315 m²
- Tổng doanh thu : 84.024 triệu đồng
- Tổng chi phí : 81.304 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.720 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.720 triệu đồng
- Đầu tư XDCB : 13.700 triệu đồng
 - + Xây lắp : 5.900 triệu đồng
 - + Thiết bị : 7.800 triệu đồng
- Lao động bình quân : 34 người
- Thu nhập bình quân : 15,845 triệu đồng/người/tháng
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế : 2.720 triệu đồng
 - + Bù lỗ lũy kế : 674 triệu đồng
 - + Trích quỹ đầu tư phát triển : 510 triệu đồng
 - + Trích quỹ thưởng người quản lý : 200 triệu đồng
 - + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 333 triệu đồng
 - + Chia cổ tức (1% VDL) : 1.003 triệu đồng

* Chỉ tiêu lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đông Hòa và Công ty Hồng Phúc.

2. Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa:

- Sản xuất gỗ tinh chế : 2.200 m³

- Tiêu thụ gỗ tinh chế : 2.200 m³
- Tổng doanh thu : 133.380 triệu đồng
- Tổng chi phí : 131.180 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.200 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 1.760 triệu đồng
- Đầu tư XDCB : 12.740 triệu đồng
- + Xây lắp : 6.820 triệu đồng
- + Thiết bị : 5.920 triệu đồng
- Lao động bình quân : 279 người
- Thu nhập bình quân : 10,115 triệu đồng/người/tháng

3. Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc:

- Kinh doanh mù cao su : 100 tấn
- Kinh doanh hạt nhựa : 1.800 tấn
- Kinh doanh thực phẩm đông lạnh : 250 tấn
- Tổng doanh thu : 96.947 triệu đồng
- Tổng chi phí : 95.747 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 1.200 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 960 triệu đồng
- Lao động bình quân : 7 người
- Thu nhập bình quân : 13,166 triệu đồng/người/tháng

4. Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Hợp nhất):

- Sản xuất gỗ tinh chế : 2.200 m³
- Kinh doanh mù cao su : 1.300 tấn
- Kinh doanh hạt nhựa : 1.800 tấn
- Kinh doanh thực phẩm đông lạnh : 250 tấn
- Khai thác mặt bằng : 68.315 m²
- Tổng doanh thu : 309.231 triệu đồng
- Tổng chi phí : 305.831 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.400 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.720 triệu đồng

- Đầu tư XDCB	: 26.440 triệu đồng
+ Xây lắp	: 12.720 triệu đồng
+ Thiết bị	: 13.720 triệu đồng
- Lao động bình quân	: 320 người
- Thu nhập bình quân	: 10,790 triệu đồng/người/tháng

*** Thuyết minh về chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:**

Dự báo tình sản xuất kinh doanh năm 2025 vẫn chưa chuyển biến khả quan, do vậy Công ty dự kiến giao kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận năm 2025 cho 02 Công ty con là Công ty Đồng Hòa và Công ty Hồng Phúc tương đương kế hoạch năm 2024.

Trong năm 2025 Xi nghiệp Tam Hiệp sẽ phải triển khai đi dòi theo thông báo của UBND tỉnh Đồng Nai, vì vậy các lĩnh vực sản xuất và khai thác mặt bằng sẽ chấm dứt hoạt động. Tuy nhiên trong thời gian này mặc dù không hoạt động nhưng đơn vị vẫn phải chịu các chi phí cố định như: tiền thuê đất, phí sử dụng cơ sở hạ tầng tại KCN, khấu hao tài sản cố định, chi phí vận hành xử lý các vấn đề môi trường, PCCC, điện nước,... Mặt khác đơn vị vẫn phải duy trì nhân sự quản lý và bảo vệ để đảm bảo an toàn tài sản và liên hệ làm việc với cơ quan chức năng địa phương, đồng thời thực hiện hoạt động kinh doanh để bù đắp một phần chi phí phát sinh.

Do đó chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2025 của Công ty mẹ sẽ giảm so với năm 2024, dự kiến đạt khoảng 80% so với thực hiện năm 2024 (chỉ tiêu lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đồng Hòa và Công ty Hồng Phúc).

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025:

- Đẩy mạnh tìm kiếm thêm khách hàng xuất khẩu tiềm năng và ổn định, đồng thời tìm kiếm phát triển thị trường nội địa đối với sản phẩm gỗ.
- Tăng cường các hoạt động kinh doanh, mở rộng thêm mặt hàng kinh doanh khác, ... tạo các điều kiện thuận lợi để đạt hiệu quả tốt nhất.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực cho thuê kho và các dịch vụ hậu cần cao su.
- Đầu tư một số máy móc thiết bị chuyên dùng trong sản xuất đồ gỗ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Triển khai việc củng cố bộ máy quản lý sản xuất, Hệ thống quản lý chất lượng, sắp xếp mặt bằng sản xuất phù hợp.
- Thực hiện các biện pháp chặt chẽ để kiểm soát chất lượng sản phẩm nhằm giảm thiểu các chi phí phát sinh đồng thời nâng cao uy tín của đơn vị.

- Triển khai áp dụng biện pháp khoán chi phí vật tư, nguyên liệu đến từng người lao động nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm. Số tiền tiết kiệm được giúp giảm chi phí sản xuất đồng thời bổ sung thu nhập cho người lao động.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty và các đơn vị.

- Rà soát, xây dựng, ban hành các Quy chế, quy trình thực hiện công việc phù hợp quy định pháp luật, quy định của Tập đoàn và tình hình thực tế của Công ty.

- Áp dụng các biện pháp thiết thực, có hiệu quả trong việc tiết giảm các chi phí sản xuất, chi phí quản lý,... để nâng cao hiệu quả.

- Duy trì môi trường làm việc tại các xưởng sản xuất theo tiêu chí "xanh – sạch – đẹp"; tạo việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống vật chất – tinh thần của người lao động nhằm ổn định lực lượng lao động gắn bó lâu dài với đơn vị.

III. CÔNG TÁC KHÁC:

*** Về việc di dời Xí nghiệp Tam Hiệp:**

Căn cứ Quyết định số: 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai v/v phê duyệt Đề án chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại – dịch vụ và cải thiện môi trường.

Theo công văn số: 519/KCNĐN-DN ngày 05/3/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp (thuộc UBND tỉnh Đồng Nai) v/v thông báo đến các doanh nghiệp chủ động sắp xếp và hoàn thành công tác di dời doanh nghiệp ra khỏi KCN Biên Hòa 1 theo đúng lộ trình Đề án đã được duyệt.

Theo đó, Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp sẽ phải triển khai thực hiện di dời trước tháng 12/2025. Công ty đã báo cáo Lãnh đạo Tập đoàn về việc di dời của Xí nghiệp.

Công ty đã nhận được Thông báo số: 434/TB-UBND ngày 11/4/2025 của UBND TP. Biên Hòa về việc thu hồi đất tại Xí nghiệp Tam Hiệp, trong đó tiến độ thu hồi đất như sau:

- Điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: tháng 5 / 2025
- Lập các thủ tục về định giá tài sản của tổ chức, công khai dự thảo và niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ: tháng 7 / 2025
- Kết thúc niêm yết, trình thẩm định phương án bồi thường: tháng 9/ 2025
- Phê duyệt bồi thường và ban hành quyết định thu hồi đất: tháng 10 / 2025
- Tổ chức chi trả tiền bồi thường và nhận mặt bằng: tháng 11, 12 / 2025

Đến thời điểm hiện tại, các cơ quan chức năng của tỉnh Đồng Nai chưa công bố phương án cụ thể về bồi thường, hỗ trợ di dời và hỗ trợ người lao động cũng như địa điểm để tái đầu tư sản xuất. Vì vậy, Công ty RBC không đủ cơ sở để xây dựng Phương án di dời nhà máy.



Công ty đã ký kết hợp đồng tư vấn pháp lý với Công ty luật TNHH Tín Phát – thành viên Hệ thống Luật Tín Phát để thực hiện thủ tục di dời theo đúng chủ trương, quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho Công ty. Trong thời gian tới, Công ty sẽ cùng với Luật sư – Công ty Luật Tín Phát sẽ tiến hành triển khai kế hoạch, chuẩn bị các công tác, thực hiện tự kê khai kiểm kê tài sản, cũng như làm việc với các cơ quan hữu quan của UBND tỉnh Đồng Nai để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp tốt nhất cho Công ty khi UBND tỉnh thu hồi đất.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Ban điều hành Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Hội đồng quản trị Cty;
- Ban TGD, BKS;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Giám đốc các ĐVTT;
- Lưu: VT, P.KH-KT.



Giang Hoa Vũ

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2024
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025**

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su về nhiệm vụ của HĐQT với vai trò quản trị, định hướng và giám sát Công ty, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo về công tác quản lý điều hành năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 tại Đại hội đồng Cổ đông như sau:

PHẦN I

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn: lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su tạm dừng sản xuất do không có đơn hàng; lĩnh vực sản xuất gỗ vẫn chưa có nhiều đơn hàng nên sản lượng sản xuất giảm, lao động giảm; một số đối tác thuê mặt bằng xin trả mặt bằng hoặc miễn giảm tiền thuê do họ cũng khó khăn trong sản xuất kinh doanh, hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ cũng bị ảnh hưởng do khó khăn chung của nền kinh tế, ...

Đối với lĩnh vực sản xuất gỗ: tình hình khó khăn chung của ngành gỗ vẫn tiếp tục từ năm 2023 đến nay. Năm 2024 bắt đầu có thêm đơn hàng nhưng hầu hết là mẫu mã mới và khó, công phu, kết hợp nguyên liệu khác đòi hỏi tay nghề cao, công lao động nhiều nên năng suất giảm, sản lượng sản xuất chưa cao. Do vậy, tiền lương bình quân tháng của người lao động thấp nên lao động nghỉ việc nhiều, đặc biệt là lao động có tay nghề. Tuy nhiên Công ty không thể tăng lương để hỗ trợ người lao động vì vượt các quy định về quỹ lương và chi tiền lương. Vì vậy đơn vị đã cố gắng tổ chức sắp xếp sản xuất phù hợp điều kiện thực tế, tiết kiệm chi phí, kết quả sản xuất năm 2024 như sau: tổng giá trị đơn hàng khoảng 4,3 triệu USD, sản lượng sản xuất là 2.125,18 m³, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động.



Lĩnh vực kinh doanh: giá cao su không ổn định, tình hình kinh doanh cao su vẫn không khả quan. Ngoài cao su, đơn vị còn triển khai kinh doanh các mặt hàng khác như: hóa chất, thực phẩm đông lạnh, hạt nhựa,...góp phần đáng kể trong kết quả của toàn công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 được phản ánh đầy đủ tại số liệu báo cáo của Tổng Giám đốc trình bày tại Đại hội.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024:

1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2024:

1.1. Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su (Riêng):

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
Sơ chế gỗ phối cao su	m3	3.000	0	0%
Kinh doanh cao su	tấn		2.093,28	
Tổng doanh thu	tr đồng	105.790	134.023	127%
Tổng chi phí	tr đồng	102.470	130.566	127%
Lợi nhuận trước thuế	tr đồng	3.320	3.457	104%
Lợi nhuận sau thuế	tr đồng	3.320	3.457	104%
Đầu tư XDCB	tr đồng	14.355	2.370	17%
- Xây lắp	tr đồng	3.755	534	14%
- Thiết bị	tr đồng	10.600	1.836	17%
Lao động bình quân	người	41	39	95%
Thu nhập bình quân (tháng/người)	tr đồng	14,572	14,956	102%

(Chỉ tiêu lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đồng Hòa và Công ty Hồng Phúc)

1.2. Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đồng Hòa:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
Sản xuất gỗ tinh chế	m3	2.400	2.125,18	89%
Tiêu thụ gỗ tinh chế	m3	2.400	2.015,62	84%
Tổng doanh thu	tr đồng	152.268	125.821	83%
Tổng chi phí	tr đồng	150.068	123.619	83%
Lợi nhuận trước thuế	tr đồng	2.200	2.202	100%

Lợi nhuận sau thuế	tr đồng	1.760	1.893	108%
Đầu tư XD CB	tr đồng	6.160	1.571	26%
- Xây lắp	tr đồng	1.240	918	74%
- Thiết bị	tr đồng	4.920	653	13%
Lao động bình quân	người	277	255	92%
Thu nhập bình quân (tháng/người)	tr đồng	9,276	9,640	104%

1.3. Công ty TNHH MTV Thương Mại & Địa ốc Hồng Phúc:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH/KH
Kinh doanh cao su	tấn	300	100	33%
Kinh doanh hạt nhựa	tấn	1.800	1.430	79%
Kinh doanh thực phẩm	tấn	200	179	90%
Tổng doanh thu	tr đồng	96.908	82.028	85%
Tổng chi phí	tr đồng	95.708	80.818	84%
Lợi nhuận trước thuế	tr đồng	1.200	1.210	101%
Lợi nhuận sau thuế	tr đồng	960	960	100%
Lao động bình quân	người	7	6	86%
Thu nhập bình quân (tháng/người)	tr đồng	12,622	14,726	116%

2. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024:

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc giao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty chọn đơn vị kiểm toán năm 2024, công ty đã quyết định chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su.

3. Việc thực hiện các ủy quyền của ĐHĐCĐ:

- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã xem xét, phê duyệt quỹ tiền lương năm 2024.

- Đã thông qua và ban hành các Quy chế sau:

+ Quy chế công bố thông tin

+ Quy chế chi tiêu nội bộ

+ Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty TNHH MTV Chế biến gỗ

Đông Hòa

+ Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc.

+ Quy chế về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su và người đại diện phần vốn Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su tại doanh nghiệp.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Đánh giá hoạt động quản lý điều hành năm 2024

Trong năm 2024 HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp trực tiếp và thường xuyên tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản khi có vấn đề phát sinh để kịp thời xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hầu hết cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát, mời mở rộng đến Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ của Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên để nắm bắt chính xác và kịp thời về tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trong các cuộc họp, HĐQT công ty tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, kiểm tra tiến độ thực hiện do Tổng Giám đốc điều hành trình bày; bàn các giải pháp xử lý các tình huống phát sinh do Tổng Giám đốc đề xuất, kiến nghị và đề ra nhiệm vụ chủ yếu cho quý tiếp theo. Hoạt động giám sát tập trung chủ yếu ở các nội dung: tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác tài chính, công tác thu hồi công nợ và công tác cán bộ,....

Các cuộc họp của HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của toàn Công ty.

Các cuộc họp giao ban Tổng Giám đốc, họp giao ban sản xuất đều có sự tham gia của Hội đồng quản trị để nắm bắt và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền quyết định của Ban điều hành.

Kết hợp với Ban kiểm soát, tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Công tác giám sát:

2.1. Giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị đã phân giao chỉ tiết mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho từng đơn vị thành viên; giám sát việc tổ chức thực hiện của Ban Tổng Giám đốc công ty mẹ và các công ty con, đơn vị thành viên trong hệ thống thông qua người đại diện phần vốn.

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐQT, Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện theo đúng phân cấp thẩm quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin ý kiến HĐQT xem xét để cho chủ trương thực hiện. Trong năm 2024, Ban điều hành công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hầu hết các vấn đề đã thực hiện xong, đạt kết quả tốt.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ đều được thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của Tập đoàn. HĐQT thường xuyên theo dõi, đánh giá và cân nhắc khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trên cơ sở hiệu quả công việc được giao.

2.2. Công tác phối hợp:

Việc phối hợp giữa các thành viên HĐQT và Ban điều hành được thực hiện chặt chẽ, đạt hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo và thực hiện Nghị quyết HĐQT.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ và tổ chức triển khai, thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

HĐQT luôn chủ động phối hợp với tổ chức Đảng, tổ chức Đoàn thể trong công ty trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Đặc biệt là trong công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tất cả các chủ trương của HĐQT đều được sự đồng thuận trong các tổ chức Đảng, đoàn thể nên việc thực hiện đều thuận lợi.

HĐQT cũng luôn chủ động phối hợp với Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát để nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến cho hoạt động của HĐQT.

Đối với Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN, HĐQT luôn tranh thủ sự giúp đỡ của lãnh đạo cũng như các Ban chuyên môn của Tập đoàn, HĐQT thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động cụ thể tại đơn vị và chủ động đề xuất với Tập đoàn những giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong công ty và sự phát triển của đơn vị, đặc biệt trong năm 2024 là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế thế giới, có thể đánh giá rằng HĐQT đã cố gắng để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, công ty vượt chỉ tiêu lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được giao.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao, các chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Riêng):

- Kinh doanh mủ cao su	: 1.200 tấn
- Khai thác mặt bằng	: 68.315 m ²
- Tổng doanh thu	: 84.024 triệu đồng
- Tổng chi phí	: 81.304 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 2.720 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	: 2.720 triệu đồng
- Đầu tư XD CB	: 13.700 triệu đồng
+ Xây lắp	: 5.900 triệu đồng
+ Thiết bị	: 7.800 triệu đồng
- Lao động bình quân	: 34 người
- Thu nhập bình quân	: 15,845 triệu đồng/người/tháng
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế:	2.720 triệu đồng
+ Bù lỗ lũy kế	: 674 triệu đồng
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	: 510 triệu đồng
+ Trích quỹ thưởng người quản lý	: 200 triệu đồng
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 333 triệu đồng
+ Chia cổ tức (1% VDL)	: 1.003 triệu đồng

* Chỉ tiêu lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty Đông Hòa và Công ty Hồng Phúc.

1.2. Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đông Hòa:

- Sản xuất gỗ tinh chế	: 2.200 m ³
- Tiêu thụ gỗ tinh chế	: 2.200 m ³
- Tổng doanh thu	: 133.380 triệu đồng
- Tổng chi phí	: 131.180 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 2.200 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	: 1.760 triệu đồng

- Đầu tư XD CB : 12.740 triệu đồng
- + Xây lắp : 6.820 triệu đồng
- + Thiết bị : 5.920 triệu đồng
- Lao động bình quân : 279 người
- Thu nhập bình quân : 10,115 triệu đồng/người/tháng

1.3. Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc:

- Kinh doanh mù cao su : 100 tấn
- Kinh doanh hạt nhựa : 1.800 tấn
- Kinh doanh thực phẩm đông lạnh : 250 tấn
- Tổng doanh thu : 96.947 triệu đồng
- Tổng chi phí : 95.747 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 1.200 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 960 triệu đồng
- Lao động bình quân : 7 người
- Thu nhập bình quân : 13,166 triệu đồng/người/tháng

1.4. Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Hợp nhất):

- Sản xuất gỗ tinh chế : 2.200 m³
- Kinh doanh mù cao su : 1.300 tấn
- Kinh doanh hạt nhựa : 1.800 tấn
- Kinh doanh thực phẩm đông lạnh : 250 tấn
- Khai thác mặt bằng : 68.315 m²
- Tổng doanh thu : 309.231 triệu đồng
- Tổng chi phí : 305.831 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.400 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.720 triệu đồng
- Đầu tư XD CB : 26.440 triệu đồng
- + Xây lắp : 12.720 triệu đồng
- + Thiết bị : 13.720 triệu đồng
- Lao động bình quân : 320 người
- Thu nhập bình quân : 10,790 triệu đồng/người/tháng



2. Tiếp tục tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả, đúng quy định của nhà nước.
3. Thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, giám sát việc điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc, phát huy hơn nữa tính tích cực của bộ máy điều hành, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của từng cá nhân.
4. Tăng cường các hoạt động kinh doanh, mở rộng mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm khách hàng tiềm năng mới, đồng thời duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng cũ, phát triển thị trường nội địa đối với sản phẩm gỗ.
5. Tiếp tục giải quyết những tồn tại về đất đai, nhà xưởng; kiên quyết giải quyết dứt điểm những khoản nợ khó đòi.
6. Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các đơn vị đầu tư không hiệu quả.
7. Tiếp tục thực hiện thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí; tận dụng khai thác tối đa cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có để tăng cường nguồn thu cho công ty.
8. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành công ty phấn đấu đưa công ty phát triển xứng đáng với mong muốn với Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trên đây là báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025. Rất mong quý cổ đông đóng góp để HĐQT thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Hội đồng quản trị Cty;
- Lưu: VT.



Phan Đình Phúc

Số: 42 /TTr-HĐQTRBC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Một số vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 06/4/2023;

Căn cứ Căn cứ Công văn số: 182/HĐQTCSVN-TCCB ngày 31/3/2025 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần về việc cử, cử lại người đại diện vốn và cơ cấu nhân sự HĐQT, BKS Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Căn cứ Công văn số: 233/HĐQTCSVN-TCKT ngày 18/4/2025 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần về việc thỏa thuận một số nội dung để tham gia ý kiến và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su,

Nay Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua một số vấn đề sau:

1- Thống nhất báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Riêng):

Các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 134.022.682.150 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.457.406.311 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 3.457.406.311 đồng

2- Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:



Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài chính quy định: Công ty cổ phần có cổ phần của Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ để xác định lợi nhuận sau thuế làm cơ sở phân phối lợi nhuận.

Theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 (BCTC Riêng) đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế năm 2024 là: 3.457.406.311 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2024 là: - 674.395.245 đồng, nên Công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2024.

- 3- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị.
- 4- Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.
- 5- Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất, riêng năm 2024 đã kiểm toán của Công ty.
- 6- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

* Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Riêng):

- Tổng doanh thu : 84.024.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.720.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.720.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XD CB : 13.700.000.000 đồng

Chỉ tiêu lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đồng Hòa và Công ty TNHH MTV TM & Địa ốc Hồng Phúc.

* Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Hợp nhất):

- Tổng doanh thu : 309.231.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.400.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.720.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XD CB : 26.440.000.000 đồng

7. Thống nhất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 :

Lợi nhuận sau thuế phân phối: 2.720 triệu đồng

- + Bù lỗ lũy kế : 674 triệu đồng
- + Trích quỹ đầu tư phát triển : 510 triệu đồng
- + Trích quỹ thưởng người quản lý : 200 triệu đồng
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 333 triệu đồng
- + Chia cổ tức (1% VDL) : 1.003 triệu đồng

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận chính thức năm 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

8.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

- Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

8.2. Trường hợp 3 đơn vị này không tham gia, giao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

9. Thống nhất kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030.

10. Thống nhất kết quả bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 - 2030.

11. Thông qua các Quy chế:

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

12. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế khác phục vụ hoạt động của Công ty.

13. Thống nhất mức lương, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025:

- Mức lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí Người quản lý doanh nghiệp hạng III, phụ lục 02 tại Quyết định số: 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/03/2020).

- Mức lương của Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 21.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí Người quản lý doanh nghiệp hạng III, phụ lục 02 tại Quyết định số: 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/03/2020).

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí Người quản lý doanh nghiệp hạng III, phụ lục 02 tại Quyết định số: 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/03/2020).

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Thư ký Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên của Công ty thành viên làm việc kiêm nhiệm: mức thù lao do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.



14. Ủy quyền cho Tổng giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn Công ty quyết định việc sử dụng các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các vấn đề trên.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, P.KH-KT



Phan Đình Phúc

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT KHẨU CAO SU

BC - RBC - BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp lý hiện hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Công nghiệp và XNK cao su;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định và xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su nhiệm kỳ 2020-2025 được bầu chọn tại Đại hội đồng cổ đông có 3 thành viên, trong đó: Trưởng ban kiểm soát hoạt động chuyên trách và 2 thành viên hoạt động kiêm nhiệm (không chuyên trách) gồm: 01 thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, 01 thành viên của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật hiện hành như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và tham gia đóng góp ý kiến kịp thời đối với các vấn đề liên quan.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

- Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, đánh giá việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Công ty. Công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá chung

Năm 2024 Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định về quản trị Công ty đối với công ty đại chúng, Điều lệ hoạt động của Công ty.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thực hiện nhiệm vụ được phân công theo đúng chức năng nhiệm vụ và bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã họp bàn rút kinh nghiệm, căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh phương pháp làm việc, bổ sung các nội dung cần lưu ý để thực hiện giám sát cho phù hợp. Tuy nhiên trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, hoạt động sản xuất kinh doanh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro ngoài tầm kiểm soát thì công tác kiểm soát không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Do hạn chế về vị trí địa lý và để tiết kiệm chi phí, ngoài các phiên họp tập trung chính thức, Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, công việc bằng email và điện thoại.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng nghiệp vụ và các đơn vị thành viên để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ Công ty giao.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1/ Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024

Năm 2024 Công ty đã thực hiện các Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau :

1.1/ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 theo báo cáo riêng của công ty:

(Thỏa thuận Tập đoàn số: 275/HĐQTCSVN-KHĐT -29/3/2024)

Đơn vị tính : 1000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỉ lệ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	105.790.000	134.022.682	127%
2	Lợi nhuận trước thuế	3.320.000	3.457.406	104%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.320.000	3.457.406	104%

1.2/ Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 :

Theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài Chính quy định: Công ty cổ phần có cổ phần của Nhà nước; hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ để xác định lợi nhuận sau thuế làm cơ sở phân phối.

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của công ty đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế năm 2024 là: **3.457.406.311 đồng**; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2024 là: **- 674.395.245 đồng**. Công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2024.

1.3/ Thực hiện đầu tư XD CB toàn công ty năm 2024:

Tổng giá trị đầu tư XDCB được duyệt trong năm 2024 trị giá : 20.515 triệu đồng, bao gồm:

- Xây lắp : 4.995 triệu đồng
- Thiết bị : 15.520 triệu đồng

Trong năm 2024 Công ty đã thực hiện đầu tư XD CB hạch toán tăng tài sản: 2.783,27 triệu đồng đạt 14%/KH

- **Xây lắp : 1.344,79 triệu đồng**
 - + Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải xường Dĩ An- Đông Hòa: 850 triệu đồng
 - + Nâng nền đường khu B – Kho Vận: 494,79 triệu đồng
- **Thiết bị : 1.438,48 triệu đồng**
 - + Hệ thống PCCC Xi nghiệp Tam Phước : 833,48 triệu đồng
 - + Máy móc thiết bị xường Dĩ An - Đông Hòa : 605 triệu đồng

1.4/ Lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán
Phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

2/ Thủ lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao của thành viên Ban kiểm soát kiểm nhiệm thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty số 02/NQ-ĐHĐCĐRBC ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát được trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

3/ Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Năm 2024 Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp với đầy đủ các thành viên dự họp theo đúng quy định Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Các kiến nghị của Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty thực hiện.

4/ Kết quả giám sát tình hình tài chính của công ty

4.1/ Thẩm định báo cáo tài chính riêng năm 2024 của công ty:

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho chu kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập đúng theo quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS), kết quả kiểm toán được xác nhận theo Báo cáo kiểm toán độc lập:

Số: 29/BCKT/TC/2025/AASCS ngày 14/2/2025 cho Báo cáo tài chính riêng.

Số: 35/BCKT/TC/2025/AASCS ngày 17/2/2025 cho Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Ban kiểm soát nhất trí với số liệu trong báo cáo tài chính cũng như ý kiến nhận xét của đơn vị kiểm toán AASCS về báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

4.1.1/ Tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn:

Đơn vị tính : đồng

KHOẢN MỤC	01/01/2024	31/12/2024
TÀI SẢN		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	75.628.707.751	134.430.633.479
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	17.073.047.827	18.920.783.359
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.000.000.000	73.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	16.153.598.508	37.838.802.750
IV. Hàng tồn kho	3.409.206.603	3.415.993.876
V. Tài sản ngắn hạn khác	992.854.813	1.255.053.494
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	86.421.355.383	85.530.075.319
I. Các khoản phải thu dài hạn	107.858.493	107.858.493
II. Tài sản cố định	32.934.247.448	32.203.791.546
III. Tài sản dở dang dài hạn	1.139.954.084	1.139.954.084
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	51.340.578.368	51.043.046.091
V. Tài sản dài hạn khác	898.716.990	1.035.425.105
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	162.050.063.134	219.960.708.798
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	24.291.375.007	78.744.614.360
I. Nợ ngắn hạn	10.767.601.195	65.220.840.548
II. Nợ dài hạn	13.523.773.812	13.523.773.812

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	137.758.688.127	141.216.094.438
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.303.080.000	100.303.080.000
- Thặng dư vốn cổ phần	31.410.714.600	31.410.714.600
- Cổ phiếu quỹ	-2.678.000.000	-2.678.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	12.854.695.083	12.854.695.083
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-4.131.801.556	-674.395.245
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	162.050.063.134	219.960.708.798

4.1.2/ Một số chỉ tiêu cơ bản tại báo cáo tài chính riêng năm 2024:

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2023	31/12/2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.551.113.093	125.209.936.835
2	Lợi nhuận trước thuế	2.788.158.168	3.457.406.311
3	Lợi nhuận sau thuế	2.788.158.168	3.457.406.311
4	Hệ số bảo toàn vốn H (Công ty đã bảo toàn được vốn của cổ đông)	1,02	1,03
5	Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) Cty đảm bảo thanh toán được các khoản nợ	6,71	2,01
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	2,2%	2,8%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL cuối kỳ	2,8%	3,5%

4.2/ Các khoản đầu tư tài chính :

4.2.1/ Đầu tư vào Công ty con 100% vốn:

* Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đồng Hòa : 23.000.000.000 đồng

Căn cứ công văn số 256/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 29/3/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ý kiến kế hoạch năm 2024 của Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đồng Hòa. Năm 2024: doanh thu đạt 83%, lợi nhuận trước thuế đạt 100% so với kế hoạch.

* Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc : 20.000.000.000 đồng

Căn cứ công văn số 274/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 29/3/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ý kiến kế hoạch năm 2024 của Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc. Năm 2024: doanh thu đạt 85%, lợi nhuận trước thuế đạt 101% so với kế hoạch.

4.2.2/ Đầu tư góp vốn vào các Công ty:

Đến 31/12/2024 đã đầu tư vào Công ty con và các đơn vị khác :

Stt	Tên Công ty	Số tiền đầu tư	Đã trích dự phòng
1	Cty CP Đầu tư Xây dựng và XNK Cao su	1.500.000.000	1.418.084.760
2	Cty CP TM và Dịch vụ Du lịch Cao su	2.596.100.000	2.446.969.149
3	Cty CP Đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh	6.312.000.000	
4	Cty CP Phát triển đô thị và KCN Geruco	1.500.000.000	
	TỔNG CỘNG	11.908.100.000	3.865.053.909

Trong 4 đơn vị Công ty đã đầu tư góp vốn có 2 đơn vị hoạt động hiệu quả, 2 đơn vị không hiệu quả công ty đã trích lập dự phòng theo quy định.

Công ty đã có văn bản trình Lãnh đạo Tập đoàn xin thoái vốn các đơn vị đầu tư ngoài ngành để sớm thu hồi vốn tập trung cho sản xuất kinh doanh.

Tháng 11 năm 2021 Lãnh đạo Tập đoàn đã có văn bản thỏa thuận chủ trương cho Công ty thoái vốn tại Cty CP đầu tư xây dựng Cao su Phú Thịnh và Công ty CP phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam, dự kiến sẽ triển khai thực hiện trong năm 2022. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được vì vẫn đang chờ hướng dẫn và thông tin về thẩm định giá của Tập đoàn và các đơn vị trong ngành để thực hiện theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn trong văn bản thỏa thuận. Công ty cũng đã báo cáo Lãnh đạo Tập đoàn về việc chưa thực hiện này.

4.3/ Một số vấn đề còn tồn tại trên báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2024:

4.3.1/ Các khoản phải thu khách hàng quá hạn, khó đòi đã trích lập dự phòng:

Đơn vị: đồng

STT	Khách hàng	Thời điểm 31/12/2024	Đã trích dự phòng
1	Công ty CP CB XNK Thủy sản Đồng Tháp	8.956.471.270	8.956.471.270
2	Cty CP SX-XNK Lâm sản hàng tiêu thụ c.nghiệp	3.870.681.600	3.870.681.600
3	Công ty TNHH SX TM DV Hữu Nghị	7.843.792.484	7.843.792.484
4	Công ty TNHH Quốc tế Trường Thành	520.800.000	520.800.000
5	Cơ sở Huệ Toàn	437.851.910	437.851.910
6	Công ty cổ phần Ngọc Hà	150.000.000	150.000.000
7	Bà Trần Thị Đồng (Cty Habufa Meubelen B.V)	598.001.664	
8	Ông Võ Anh Thảo (A.T.O.M Food-Thailand Co.Ltd)	1.295.078.273	1.220.738.273
	Tổng Cộng	23.672.677.201	23.000.335.537

4.3.2/ Các khoản phải thu khác : 7.315.136.523 đồng

- Tài sản thiếu chờ xử lý : 6.315.619.963 đồng

(Tương ứng khoản vay của ngân hàng Vietcombank : 10.293.188.528 đồng)

Đây là giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản chờ xử lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp có nguồn gốc được hình thành từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc thiết bị thông qua chi nhánh Ngân hàng Ngoại Thương KCX Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp và khoản vay này Chính phủ đã có văn bản số 4055/VPCP-QHQT ngày 23/07/2002 cho hoãn lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

- Phải thu cổ phần hóa trả chậm : 107.858.493 đồng

Công ty đã có văn bản gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ quản lý chào bán chứng khoán cũng như nhờ công ty Luật tư vấn nhưng do số cổ phần này đã được cấp quyền sở hữu cho các cổ đông muốn giải quyết phải liên hệ làm việc với các cổ đông, tuy nhiên đến nay công ty không liên hệ được các cổ đông (đã đổi địa chỉ).

- Tòa án Nhân dân Quận 1 (TP.HCM) : 56.294.421 đồng

- Chi nhánh Móng Cái : 40.000.000 đồng (đã trích dự phòng)

- Cty kiểm định XD & tư vấn ĐT Đông Á : 50.000.000 đồng (đã trích dự phòng)

- Khoản phải thu tại Chi nhánh Hà Nội : 745.363.646 đồng, bao gồm

+ Tiền tồn trong tài khoản Ngân hàng chưa chuyển về Cty Mẹ: 4.982.964 đồng

+ Thuế GTGT được khấu trừ của chi phí QLDN : 35.650.563 đồng

+ Thuế GTGT được khấu trừ của cao su xuất khẩu: 704.730.119 đồng

4.3.3/ Chi phí SXKD dở dang :

Chi phí dự án 4/35 Độc lập : 2.976.590.931 đồng

Chưa thực hiện thanh quyết toán tương ứng với doanh thu nhận trước **3.230.585.284 đồng** - là khoản doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo các hợp đồng được ký kết giữa công ty và các bên theo quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 21/06/2005 của UBND TP.HCM v/v xây dựng dự án 4/35 Độc Lập tại Phường Tân Quý, Quận Tân Phú TP.HCM.

4.3.4/ Hàng gửi bán: 34.865.443 đồng

Là sản phẩm bàn ghế gửi bán của Công ty đã lâu. Đến cuối ngày 31/12/2015 không có biên bản xác nhận của khách hàng. Đến 31/12/2023 đã trích dự phòng.

4.3.5/ Chi phí XD CB dở dang (Số dư TK 241): 1.139.954.084 đồng

* Chi phí dự án Trảng Bom : 1.063.349.360 đồng

Dự án này được thỏa thuận hợp tác giữa 3 đơn vị:

- + Công ty CP CN & XNK Cao su: góp 40%
- + Công ty CP Địa ốc 7: (TK 338) góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng
- + Công ty CP Địa ốc 9: (TK 338) góp 30%, đã góp: 300.000.000 đồng

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc bàn giao toàn bộ dự án cho Công ty TNHH MTV Địa ốc Cao su Đồng Nai. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bàn giao dự án được do Công ty TNHH MTV Địa ốc Cao su Đồng Nai đã có văn bản không tiếp nhận dự án. Lý do: dự án không phù hợp với quy hoạch mới của Tỉnh Đồng Nai và hồ sơ dự án không phù hợp theo quy trình và quy định mới.

Công ty đã hợp bản với 2 đơn vị góp vốn: chấm dứt thực hiện dự án, thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 78/HĐHTĐT-2010 ngày 28/05/2010 và cùng chia sẻ chi phí dự án theo tỉ lệ vốn góp hợp tác đầu tư.

Ngày 12/01/2024 Công ty đã ban hành văn bản số: 14/RBC-TCKT v/v chấm dứt dự án, cùng chia sẻ chi phí dự án theo tỉ lệ vốn góp hợp tác đầu tư gửi Công ty CP Địa ốc 7 và Công ty CP Địa ốc 9. Ngày 22/02/2024 Công ty CP Địa ốc 7 đã có văn bản phản hồi đồng ý; đang chờ ý kiến thống nhất của Công ty CP Địa ốc 9.

- * Chi phí XDCB dở dang khác : 76.604.724 đồng
- + Chi phí giải tỏa XN Bình Điền : 45.781.818 đồng
- + Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn : 30.822.906 đồng

5/ Giao dịch các bên liên quan

Giao dịch các bên có liên quan được trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

6/ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty

6.1/ Giám sát đối với Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên được Đại hội cổ đông bổ nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm (2020 - 2025), trong đó: Chủ tịch chuyên trách và 4 thành viên hoạt động kiêm nhiệm (không chuyên trách). Hội đồng quản trị Công ty đã quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của công ty theo Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoạt động với tinh thần trách nhiệm, đưa ra các quyết định kịp thời để công ty hoạt động hiệu quả.

Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ theo quy định theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban điều hành, Ban kiểm soát, các phòng chuyên môn và các đơn vị thành viên trực thuộc tham gia. Ngoài ra HĐQT cũng đã tổ chức các cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua một số vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ SXKD của Ban điều hành.

Hội đồng quản trị đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các Nghị quyết và Quyết định (năm 2024 đã ban hành 13 Nghị quyết) theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo năm 2024 của Hội đồng quản trị.

6.2/ Giám sát đối với Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty có 04 thành viên trong đó 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế Biến Gỗ Đồng Hòa, 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV TM & Địa Ốc Hồng Phúc.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng: Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty và quy định của Tập đoàn. Các phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin chủ trương của HĐQT.

Ban Tổng giám đốc thực hiện đầy đủ các cuộc họp theo quy định với sự tham gia của HĐQT, Ban kiểm soát, các Trưởng phòng và Giám đốc các đơn vị thành viên, trực thuộc để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các công tác khác.

7/ Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện đúng nhiệm vụ được giao.

Trong năm 2024 Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty và nhận được các văn bản của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban kiểm soát đã có ý kiến, kiến nghị kịp thời đối với hoạt động của công ty.

Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát công ty theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị thông qua.

C. Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2024 Ban điều hành đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, đã đưa hầu hết các công nợ quá hạn không có khả năng thu hồi ra tòa khởi kiện. Đề nghị Công ty tiếp tục công tác và thủ tục thu hồi các khoản nợ khó đòi theo đúng quy định, bảo toàn và phát triển vốn.

Trong tình hình hiện nay, để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 đề nghị Công ty:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng mới đồng thời giữ chân khách hàng hiện tại bằng sự uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh.
- Phát triển thị trường nội địa sản phẩm gỗ
- Mở rộng thêm lĩnh vực, mặt hàng kinh doanh
- Tăng năng suất lao động, quản lý tiết kiệm chi phí
- Tích cực thu hồi nợ, không để công nợ kéo dài
- Soát xét lại hệ thống văn bản quản lý nội bộ và cập nhật cho phù hợp với quy định hiện hành.
- Tiếp tục giải quyết các vấn đề còn tồn tại (Mục 4.3).

D. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

- Giám sát việc chấp hành Pháp luật Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và năm.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty và các đơn vị thành viên, trực thuộc.

- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý của Công ty và các đơn vị thành viên, trực thuộc.

- Thực hiện các báo cáo theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác của BKS theo quy định hiện hành.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- HĐQT, BKS Tập đoàn;
- HĐQT Công ty;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN THỊ NGỌC HIỆP

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH 2024 KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2024
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU***Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024**Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 46

0507
CƠ
TÁ
KHOA VI
CHÍNH
VÀ KIẾ
PHÁP
T.F

10/11

CI
XI

10/11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 100.303.080.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở); Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giấy dếp (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Gia công, sản xuất giấy thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu từ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dếp (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giày thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn dầu hỏa, dầu mỏ, dầu thô, khí thiên nhiên và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giày dếp, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giày dếp, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển năng lượng, hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghệ); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tổng số các công ty con:	2
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất:	2
+ Số lượng Công ty không hợp nhất:	0

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Thông tin Công ty con:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
+ Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc	50 - 52 Võ Văn Tần, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Dĩ An, TP. Dĩ An, Bình Dương	100%	100%

- Danh sách các đơn vị trực thuộc

Tên	Địa chỉ
+ Văn phòng Công ty	64 Trương Định - P.VTS - Quận 3- Tp. Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp	Đường số 3, KCN Biên hòa 1, Đồng Nai
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Kho Vận	Số 2A/2 Trần Hưng Đạo, Dĩ An, Bình Dương
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Tam Phước	Lô 43 đường số 7 KCN Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con có 307 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 296 nhân viên).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Phan Đình Phúc	Chủ tịch
Ông: Giang Hoa Vũ	Thành viên
Ông: Lê Tuấn Linh	Thành viên
Ông: Đoàn Kim Tài	Thành viên
Ông: Phan Trọng Quỳnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Giang Hoa Vũ	Tổng Giám đốc
Ông: Bùi Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Bùi Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Trưởng ban
Bà: Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo	Thành viên
Ông: Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Giang Hoa Vũ

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Bảo Châu

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể tiếp tục rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty: 

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2025


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc 
GIANG HOA VŨ



Số: 32/BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su được lập ngày 10 tháng 01 năm 2025, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần lưu ý.

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng như đã trình bày tại Thuyết minh V.06, đến ngày 31/12/2024 các khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi. Ban Tổng Giám đốc công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thu hồi các khoản công nợ nói trên.



Số: 32/BCKT/TC/2025/AASCS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tân

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2023-142-1

1172
CÔNG TY
TNHH
DỊCH VỤ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
QUẬN 1
TP. HỒ CHÍ MINH

17/08/2025
LÊ VĂN TÂN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		197.037.723.357	131.721.362.957
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	23.485.745.056	19.081.134.203
111	1. Tiền		20.458.703.103	19.081.134.203
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.027.041.953	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	80.675.000.000	48.791.235.945
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.675.000.000	48.791.235.945
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.429.620.071	40.187.107.573
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	41.653.411.374	52.274.793.269
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		28.524.379.049	3.148.325.610
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	2.026.545.222	1.538.704.268
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(23.090.335.537)	(23.090.335.537)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.05	6.315.619.963	6.315.619.963
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	34.183.249.344	20.471.501.184
141	1. Hàng tồn kho		34.218.114.787	20.506.366.627
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(34.865.443)	(34.865.443)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.264.108.886	3.190.384.052
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.358.696.285	2.614.991.510
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	905.412.601	575.392.542
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		49.585.275.971	50.650.961.548
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		107.858.493	107.858.493
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
216	4. Phải thu dài hạn khác	V.04	107.858.493	107.858.493
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		39.160.230.981	40.107.008.850
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	34.097.313.682	34.813.309.487
222	- Nguyên giá		86.326.424.750	83.543.155.850
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(52.229.111.068)	(48.729.846.363)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	5.062.917.299	5.293.699.363
228	- Nguyên giá		10.403.200.016	10.403.200.016
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.340.282.717)	(5.109.500.653)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	1.139.954.084	1.139.954.084
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.139.954.084	1.139.954.084
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	8.043.046.091	8.340.578.368
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.908.100.000	11.908.100.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.865.053.909)	(3.567.521.632)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.134.186.322	955.561.753
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.134.186.322	955.561.753
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		246.622.999.328	182.372.324.505

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		102.708.895.059	41.316.985.474
310	I. Nợ ngắn hạn		89.185.121.247	27.793.211.662
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	9.203.700.432	10.752.967.847
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		19.221.201.643	2.281.302.670
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	550.698.193	436.759.339
314	4. Phải trả người lao động		5.876.084.084	6.502.842.784
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	7.874.520.168	7.812.364.745
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	46.435.861.567	
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.17	23.055.160	6.974.277
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		13.523.773.812	13.523.773.812
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.16	3.230.585.284	3.230.585.284
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	10.293.188.528	10.293.188.528
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.18	143.914.104.269	141.055.339.031
410	I. Vốn chủ sở hữu		143.914.104.269	141.055.339.031
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.303.080.000	100.303.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.303.080.000	100.303.080.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		31.410.714.600	31.410.714.600
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.833.000.000)	(2.833.000.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		12.854.695.083	12.854.695.083
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.178.614.586	(680.150.652)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(680.150.652)	(3.819.038.664)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.858.765.238	3.138.888.012
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		246.622.999.328	182.372.324.505

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

PHÙNG TUẤN LÂM

NGUYỄN BẢO CHÂU



GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	329.152.782.316	335.006.617.502
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		329.152.782.316	335.006.617.502
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	301.468.846.250	307.394.731.319
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.683.936.066	27.611.886.183
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	6.098.494.057	4.127.510.975
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	1.147.446.524	1.059.420.282
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		361.104.449	782.854.263
25	8. Chi phí bán hàng	VI.05	4.395.240.471	4.322.677.780
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	24.724.945.439	23.091.171.939
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.514.797.689	3.266.127.157
31	11. Thu nhập khác	VI.06	1.352.066.326	1.115.621.129
32	12. Chi phí khác	VI.07	1.448.981.311	676.224.855
40	13. Lợi nhuận khác		(96.914.985)	439.396.274
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.417.882.704	3.705.523.431
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	559.117.466	566.635.419
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.858.765.238	3.138.888.012
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		2.858.765.238	3.138.888.012
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát			
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	289	377
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	289	377

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.417.882.704	3.705.523.431
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		3.730.046.769	3.795.433.982
03	- Các khoản dự phòng		313.613.160	(1.494.722.209)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(784.489.026)	(607.679.596)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.603.545.746)	(3.343.084.362)
06	- Chi phí lãi vay		361.104.449	783.980.472
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.434.612.310	2.839.451.718
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.253.851.212)	(16.433.996.635)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(13.711.748.160)	(32.290.106.333)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.873.231.542	34.000.423.110
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(178.624.569)	(395.196.905)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(361.104.449)	(782.854.263)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(516.635.419)	(1.021.394.868)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.714.119.957)	(14.083.674.176)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.783.268.900)	(655.102.020)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			480.081.818
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(124.000.000.000)	(63.000.000.000)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		92.143.277.898	49.506.501.602
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.598.106.011	2.573.734.458
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(30.041.884.991)	(11.094.784.142)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		130.046.877.629	88.088.741.450
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(83.611.016.062)	(97.391.204.186)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		46.435.861.567	(9.302.462.736)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.679.856.619	(34.480.921.054)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.081.134.203	53.479.957.798
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		724.754.234	82.097.459
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		23.485.745.056	19.081.134.203

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU
CAO SU

GIANG HOA VŨ



105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: **100.303.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở); Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giấy dếp (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Gia công, sản xuất giấy thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dếp (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giày thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn dầu hỏa, dầu mỏ, than, than cốc, than đá, than bùn, than củi và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cận); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giấy dếp, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giày dếp, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển năng, hạ hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghệ); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

6. Cấu trúc các Công ty con

- Tổng số các Công ty con	:2
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	:2
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	:0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

- Thông tin về tái cấu trúc: trong kỳ, Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý, thoái vốn tại các công ty con

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc	50 - 52 Võ Văn Tần, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Dĩ An, TP. Dĩ An, Bình Dương	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Thông tin hoạt động chính của nhóm Công ty con

Tên công ty	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
+ Công ty TNHH MTV Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc	Kinh doanh thương mại
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	Chế biến, Sản xuất đồ gỗ

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con trong kỳ tài chính: Không có

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con có 307 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 296 nhân viên).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ;

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

b. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- *Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, KIẾI giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng PHIA giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. J.P

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

7 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

8 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

9 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

10 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ, chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22 . Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

22. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị sổ cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	559.959.883	503.156.959
Tiền gửi không kỳ hạn	19.898.743.220	18.577.977.244
Các khoản tương đương tiền	3.027.041.953	
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Vietbank - CN Bình Dương	3.027.041.953	
Cộng	23.485.745.056	19.081.134.203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b1) Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

+ Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Tân Bình - TP.HCM

+ Ngân hàng BIDV - CN Thống Nhất

+ Ngân hàng VietBank - CN Bình Dương

b2) Dài hạn

Cộng

Số cuối năm

Giá gốc

Giá trị ghi sổ

80.675.000.000 80.675.000.000

80.675.000.000 80.675.000.000

73.000.000.000 73.000.000.000

7.675.000.000 7.675.000.000

80.675.000.000 80.675.000.000

Số đầu năm

Giá gốc

Giá trị ghi sổ

48.791.235.945 48.791.235.945

48.791.235.945 48.791.235.945

38.000.000.000 38.000.000.000

7.675.000.000 7.675.000.000

3.116.235.945 3.116.235.945

48.791.235.945 48.791.235.945

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào đơn vị khác

+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cao su (*)

+ Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su (*)

+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh (*)

+ Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam

Cộng

Ghi chú: (*)

Số cuối năm

Giá gốc

Giá hợp lý

Dự phòng

11.908.100.000 3.705.000.000 (3.865.053.909)

1.500.000.000 (1.418.084.760)

2.596.100.000 (2.446.969.149)

6.312.000.000

1.500.000.000 3.705.000.000

11.908.100.000 3.705.000.000 (3.865.053.909)

Số đầu năm

Giá gốc

Giá hợp lý

Dự phòng

11.908.100.000 4.275.000.000 (3.567.521.632)

1.500.000.000 (1.116.653.096)

2.596.100.000 (2.450.868.536)

6.312.000.000

1.500.000.000 4.275.000.000

11.908.100.000 4.275.000.000 (3.567.521.632)

Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 202/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	41.653.411.374	52.274.793.269
Bên khác	41.653.411.374	52.274.793.269
+ Công ty CB & XNK Thủy sản Đồng Tháp - Nhà máy Việt Đan	8.956.471.270	8.956.471.270
+ Công ty CP SX-XNK Lâm sản và hàng tiêu thủ Công nghiệp	3.870.681.600	3.870.681.600
+ Công ty TNHH SX TM DV Hữu Nghị	7.843.792.484	7.843.792.484
+ Công ty TNHH Huy Thái Bảo		5.221.197.438
+ Công ty CP SX & TM Nhựa Việt Thành	9.380.855.000	4.899.086.865
+ Woodnet	2.394.728.712	
+ Habufa Meubelen B.V (Bà: Trần Thị Đồng)	561.060.414	561.060.414
+ Công ty TNHH HTB	1.671.039.288	
+ VIVIN IMPORTS PTY LTD	2.281.897.829	7.593.272.306
+ Công ty TNHH SX-KD-TM-DV Thiên Phát		8.134.226.960
+ Đối tượng khác	4.692.884.777	5.195.003.932
Bên liên quan		
b. Dài hạn		
Cộng	41.653.411.374	52.274.793.269

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: xem thuyết minh VIII.03

04 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.026.545.222		1.538.704.268	
Tạm ứng	416.593.529		477.753.815	
Phải thu khác	1.609.951.693		1.060.950.453	
Bên khác	1.609.951.693		1.060.950.453	
+ Trung tâm trọng tài Thương mại Doanh nhân Việt Nam	20.500.000			
+ Tòa án nhân dân Quận 1, TP.HCM	56.294.421		56.294.421	
+ Tòa án nhân dân TP.HCM	116.399.896		116.399.896	
+ Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Tân Bình - TP.HCM	500.679.452			
+ Đối tượng khác	916.077.924		888.256.136	
Bên liên quan				
b. Dài hạn	107.858.493		107.858.493	
Bên liên quan (*)	107.858.493		107.858.493	
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	107.858.493		107.858.493	
Cộng	2.134.403.715		1.646.562.761	

Ghi chú: (*) Số liệu đầu năm bên liên quan được Thuyết minh trình bày phân loại lại cho phù hợp với trình bày số liệu cuối năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

05 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản khác (*)		6.315.619.963		6.315.619.963
Cộng		6.315.619.963		6.315.619.963

Ghi chú: (*) Đây là giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản chờ xử lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp có nguồn gốc được hình thành từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp và khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho khoản lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

06 . NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.090.335.537		23.090.335.537	
+ Công ty CP CB và XNK Thủy sản Đồng Tháp	8.956.471.270		8.956.471.270	
+ Công ty CP SX – XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ Công nghiệp (UPEXIM)	3.870.681.600		3.870.681.600	
+ Công ty TNHH SXTMDV Hữu Nghị	7.843.792.484		7.843.792.484	
+ Đối tượng khác	2.419.390.183		2.419.390.183	
- Phải thu cho vay				
Cộng	23.090.335.537		23.090.335.537	

07 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.265.826.174		4.874.852.125	
- Công cụ, dụng cụ	4.716.000			
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.874.519.749		10.214.901.769	
- Thành phẩm	6.934.963.392		4.339.165.887	
- Hàng hóa	9.103.224.029		1.042.581.403	
- Hàng gửi đi bán	34.865.443	(34.865.443)	34.865.443	(34.865.443)
Cộng	34.218.114.787	(34.865.443)	20.506.366.627	(34.865.443)

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

08 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản

+ Dự án Trảng Bom

+ Chi phí giải tỏa XN Bình Điền

+ Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.139.954.084	1.139.954.084
1.063.349.360	1.063.349.360
45.781.818	45.781.818
30.822.906	30.822.906
1.139.954.084	1.139.954.084



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật liến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
Đơn vị tính: VND					
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	48.759.701.349	23.559.835.850	7.064.891.390	4.158.727.261	83.543.155.850
2. Số tăng trong năm	1.344.788.900	605.000.000		833.480.000	2.783.268.900
- Mua trong năm		605.000.000			605.000.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.344.788.900				
3. Số giảm trong năm				833.480.000	2.178.268.900
- Thanh lý, nhượng bán					
4. Số dư cuối năm	50.104.490.249	24.164.835.850	7.064.891.390	4.992.207.261	86.326.424.750
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	26.569.599.847	15.730.148.568	6.116.442.858	1.698.359.626	48.729.846.363
2. Khấu hao trong năm	1.994.321.621	801.155.885	577.173.834	126.613.365	3.499.264.705
- Khấu hao trong năm	1.994.321.621	801.155.885	577.173.834	126.613.365	3.499.264.705
- Tăng khác					
3. Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	28.563.921.468	16.531.304.453	6.693.616.692	1.824.972.991	52.229.111.068
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	22.190.101.502	7.829.687.282	948.448.532	2.460.367.635	34.813.309.487
2. Tại ngày cuối năm	21.540.568.781	7.633.531.397	371.274.698	3.167.234.270	34.097.313.682

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.758.732.934 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>						
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	8.600.000.000					
2. Số tăng trong năm					1.803.200.016	10.403.200.016
- Mua trong năm						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	8.600.000.000				1.803.200.016	10.403.200.016
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	3.680.954.213				1.428.546.440	5.109.500.653
2. Khấu hao trong năm	177.608.696				53.173.368	230.782.064
- Khấu hao trong năm	177.608.696				53.173.368	230.782.064
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	3.858.562.909				1.481.719.808	5.340.282.717
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	4.919.045.787				374.653.576	5.293.699.363
2. Tại ngày cuối năm	4.741.437.091				321.480.208	5.062.917.299

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 196.598.187 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.134.186.322	955.561.753
Các khoản khác		98.483.738
c. Lợi thế thương mại	1.134.186.322	857.078.015
Cộng	1.134.186.322	955.561.753

12 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thống Nhất - TP.HCM (1)	46.435.861.567	46.435.861.567	130.046.877.629	83.611.016.062		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN 3 - TP.HCM (2)	7.715.917.567	7.711.917.567	91.326.933.629	83.611.016.062		
Cộng	38.719.944.000	38.719.944.000	38.719.944.000			
	46.435.861.567	46.435.861.567	130.046.877.629	83.611.016.062		

b. Vay dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 5 năm (*)						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	10.293.188.528	10.293.188.528			10.293.188.528	10.293.188.528
	10.293.188.528	10.293.188.528			10.293.188.528	10.293.188.528
Cộng	10.293.188.528	10.293.188.528			10.293.188.528	10.293.188.528



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Ghi chú: Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay	Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
(1) Ngân hàng BIDV - CN Thống Nhất - TP.HCM	Số 01/2024/1025523/HDTD	20.000.000.000,00	12	Theo từng lần nhận nợ	Phục vụ SXKD	Thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
(2) Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN 3 - TP.HCM	Số 1602-LAV-202400984 ngày 21/11/2024	40.000.090.000,00	12	Theo từng lần nhận nợ	Phục vụ SXKD	Thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

(*) Khoản vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho doanh lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

c. Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: Không có

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a. Ngắn hạn

Bên khác

- + Công ty TNHH Triển Đạt Long An
- + Công ty TNHH Kỹ nghệ Sơn Mộc
- + Công ty TNHH SX - TM XNK Thanh Ngọc
- + Công ty TNHH Vương Gia Nam
- + Công ty TNHH SX KD NGUYỄN KHÔI PHÁT
- + Công ty TNHH Đức Tài Việt
- + Công ty TNHH SX TM DV NHẤT HOÀNG HẢI UNIQUE
- + Công ty TNHH SX và TM Hòa Hảo
- + Phải trả cho các đối tượng khác

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
9.203.700.432	9.203.700.432	10.752.967.847	10.752.967.847
8.906.872.306	8.906.872.306	10.272.891.225	10.272.891.225
475.231.482	475.231.482	955.486.917	955.486.917
116.249.980	116.249.980	839.872.118	839.872.118
356.988.276	356.988.276		
427.899.564	427.899.564		
300.112.340	300.112.340	1.023.766.150	1.023.766.150
926.185.881	926.185.881		
798.416.445	798.416.445	419.990.104	419.990.104
5.505.788.338	5.505.788.338	7.033.775.936	7.033.775.936

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan (*)
+ Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang
Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
296.828.126	296.828.126	480.076.622	480.076.622
296.828.126	296.828.126	480.076.622	480.076.622
9.203.700.432	9.203.700.432	10.752.967.847	10.752.967.847

Ghi chú: (*) Số liệu đầu năm bên liên quan được Thuyết minh trình bày phân loại lại cho phù hợp với trình bày số liệu cuối năm

b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Phát thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phát thu
Thuế GTGT		151.077.767	972.574.636	982.817.749	161.320.880	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	326.403.585	323.830.866	573.830.865	516.635.419	266.635.420	326.403.585
Thuế thu nhập cá nhân	10.599.032	6.303.562	77.161.720	78.101.197	8.803.039	12.159.032
Thuế xuất, nhập khẩu	236.829.925					236.829.925
Khác	331.580.059	69.485.998	306.930.663	569.024.724		
Cộng	905.412.601	550.698.193	1.930.497.884	2.146.579.089	436.759.339	575.392.542

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	7.874.520.168	7.812.364.745
Kinh phí công đoàn	135.162.550	132.750.065
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.007.456.250	3.007.456.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	219.509.720	243.509.720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.512.391.648	2.957.357.781
Bên khác	4.409.071.648	2.878.037.781
+ Công ty CP Địa ốc 9	300.000.000	300.000.000
+ Công ty CP Địa ốc 7	300.000.000	300.000.000
+ Đối tượng khác	3.809.071.648	2.278.037.781
Bên liên quan (*)	103.320.000	79.320.000
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	103.320.000	79.320.000
b. Dài hạn		
Cộng	7.874.520.168	7.812.364.745

Ghi chú: (*) Số liệu đầu năm bên liên quan được Thuyết minh trình bày phân loại lại cho phù hợp với trình bày số liệu cuối năm

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
b. Dài hạn	3.230.585.284	3.230.585.284
Doanh thu nhận trước - Dự án 4/35 Độc Lập	3.230.585.284	3.230.585.284
Cộng	3.230.585.284	3.230.585.284

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo các hợp đồng được ký kết giữa công ty và các bên theo quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 21/06/2003 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc xây dựng dự án 4/35 Độc Lập tại Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	23.055.160	6.974.277
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	23.055.160	6.974.277
b. Dài hạn		
Cộng	23.055.160	6.974.277

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.833.000.000)	12.854.695.083	(3.819.038.664)		137.916.451.019
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước					3.138.888.012		3.138.888.012
Lỗ trong năm trước							
Chia cổ tức							
Thủ lao hội đồng quản trị							
Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.833.000.000)	12.854.695.083	(680.150.652)		141.055.339.031
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay					2.858.765.238		2.858.765.238
Lỗ trong năm nay							
Chia cổ tức							
Thủ lao hội đồng quản trị							
Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.833.000.000)	12.854.695.083	2.178.614.586		143.914.104.269



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

18 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	69.333.330.000	69,12%	69.333.330.000	69,12%
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	69.333.330.000	69,12%	69.333.330.000	69,12%
Vốn góp của các đối tượng khác	30.969.750.000	30,88%	30.969.750.000	30,88%
Cộng	100.303.080.000	100,00%	100.303.080.000	100,00%
18 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay		Năm trước	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:				
- Vốn góp đầu năm	100.303.080.000		100.303.080.000	
- Vốn góp tăng trong năm				
- Vốn góp giảm trong năm				
- Vốn góp cuối năm	100.303.080.000		100.303.080.000	
18 . 4. Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000		12.000.000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.030.308		10.030.308	
- Cổ phiếu phổ thông	9.990.708		9.990.708	
- Cổ phiếu ưu đãi	39.600		39.600	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	126.600		126.600	
- Cổ phiếu phổ thông	126.600		126.600	
- Cổ phiếu ưu đãi				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.903.708		9.903.708	
- Cổ phiếu phổ thông	9.864.108		9.864.108	
- Cổ phiếu ưu đãi	39.600		39.600	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu				
18 . 5. Các quỹ	Số cuối năm		Số đầu năm	
Quỹ đầu tư phát triển	12.854.695.083		12.854.695.083	
19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
a. Tài sản thuê ngoài				
b. Tài sản nhận giữ hộ				
c. Ngoại tệ các loại	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Dollar Mỹ (USD)	8.682,53		28.035,25	
- Bảng Anh (EUR)	780,64		779,85	
d. Vàng tiền tệ				
đ. Nợ khó đòi đã xử lý				
	Đối tượng	VND	Nguyên tệ	Thời điểm xóa sổ Nguyên nhân xóa sổ
+ Công ty Thành Phương		280.505.995		14/09/2010 Bỏ trốn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	304.707.865.504	309.694.210.409
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.444.916.812	25.312.407.093
Cộng	329.152.782.316	335.006.617.502

b. Doanh thu đối với các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	290.911.570.687	292.808.944.744
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.557.275.563	14.585.786.572
Cộng	301.468.846.250	307.394.731.319

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.082.625.746	2.392.637.080
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.494.948.311	1.067.217.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	520.920.000	667.656.000
Cộng	6.098.494.057	4.127.510.975

04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	361.104.449	782.854.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá	488.809.798	276.566.019
Chi phí tài chính khác: (dự phòng đầu tư vào đơn vị khác)	297.532.277	
Cộng	1.147.446.524	1.059.420.282

05. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

05.1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.395.240.471	4.322.677.780
Cộng	4.395.240.471	4.322.677.780

05.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	182.474.562	166.889.349
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.009.078	21.671.591
Chi phí nhân viên	14.649.079.188	15.678.801.659
Chi phí khấu hao	82.749.374	81.952.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.355.569.598	5.834.374.373
Thuế, phí, lệ phí	301.337.376	279.519.471
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		(1.481.370.000)
Các khoản chi phí QLDN khác	3.133.726.263	2.509.333.205
Cộng	24.724.945.439	23.091.171.939

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

06 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ,CCDC		447.291.745
Bán phế liệu	154.750.000	122.500.000
Các khoản khác	1.197.316.326	545.829.384
Cộng	1.352.066.326	1.115.621.129

07 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		8.000.000
Chi phí bán phế liệu	154.750.000	122.500.000
Các khoản khác	1.294.231.311	545.724.855
Cộng	1.448.981.311	676.224.855

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134.718.111.535	132.115.180.965
Chi phí nhân công	52.815.346.861	42.709.259.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.545.762.501	2.535.381.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.911.875.173	1.874.941.355
Chi phí khác bằng tiền	15.616.950.067	15.693.277.641
Cộng	207.608.046.136	194.928.040.148

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	559.117.466	566.635.419
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	559.117.466	566.635.419

10 . LÃI CỐ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.858.765.238	3.138.888.012
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.903.708	9.903.708
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	289	317

11 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.858.765.238	3.138.888.012
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.903.708	9.903.708
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	289	317

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	130.046.877.629	88.088.741.450

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	83.611.016.062	97.391.204.186

5. Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo: Không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Tiền lương		1.260.000.000	1.228.181.818
+ Phan Đình Phúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	288.000.000	288.000.000
+ Giang Hoa Vũ	Tổng Giám đốc	276.000.000	276.000.000
+ Trần Công Hải	Phó Tổng Giám đốc - Nghi hưu tháng 12/2023		180.000.000
+ Bùi Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc	240.000.000	28.181.818
+ Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Trưởng Ban Kiểm soát	228.000.000	228.000.000
+ Nguyễn Bảo Châu	Kế toán trưởng	228.000.000	228.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
+ Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
+ Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
+ Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
+ Công ty CP gỗ MDF VRG Kiến Giang	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
+ Ông Phan Đình Phúc - Chủ tịch HĐQT Công ty	- Tạm ứng	10.000.000	
+ Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	- Thu tiền cho thuê văn phòng	63.000.000	
+ Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	- Thu tiền cho thuê văn phòng	176.000.000	
+ Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	- Thu tiền cổ tức	300.000.000	270.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	- Thu tiền cổ tức	220.920.000	397.656.000
+ Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang	- Mua nguyên vật liệu	2.573.937.039	1.863.223.825

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Phải thu

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	- Phải thu về cổ phần hóa	107.858.493	107.858.493

Phải trả

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP gỗ MDF VRG Kiên Giang	- Mua nguyên vật liệu	296.828.126	480.076.622
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	- Phải trả khác	103.320.000	79.320.000
+ Công ty CP Cao su Phước Hòa	- Cổ tức	284.570.000	284.570.000
+ Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	- Cổ tức	196.000.000	196.000.000
+ Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	- Cổ tức	196.710.000	196.710.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

04 . Thông tin bộ phận

Đơn vị tính: VND

Khu vực địa lý

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2024	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	329.152.782.316		329.152.782.316
Chi phí bộ phận	330.589.032.160		330.589.032.160
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.436.249.844)		(1.436.249.844)
Doanh thu hoạt động tài chính	6.098.494.057		6.098.494.057
Chi phí tài chính	1.147.446.524		1.147.446.524
Thu nhập khác	1.352.066.326		1.352.066.326
Chi phí khác	1.448.981.311		1.448.981.311
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	559.117.466		559.117.466
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.858.765.238		2.858.765.238

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2023	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	335.006.617.502		335.006.617.502
Chi phí bộ phận	334.808.581.038		334.808.581.038
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	198.036.464		198.036.464
Doanh thu hoạt động tài chính	4.127.510.975		4.127.510.975
Chi phí tài chính	1.059.420.282		1.059.420.282
Thu nhập khác	1.115.621.129		1.115.621.129
Chi phí khác	676.224.855		676.224.855
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	566.635.419		566.635.419
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.138.888.012		3.138.888.012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo tóm tắt các chỉ tiêu tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận			
Tài sản không phân bổ	246.622.999.328		246.622.999.328
Tổng tài sản	246.622.999.328		246.622.999.328
Nợ phải trả bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ	102.708.895.059		102.708.895.059
Tổng nợ phải trả	102.708.895.059		102.708.895.059
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận			
Tài sản không phân bổ	182.372.324.505		182.372.324.505
Tổng tài sản	182.372.324.505		182.372.324.505
Nợ phải trả bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ	41.316.985.474		41.316.985.474
Tổng nợ phải trả	41.316.985.474		41.316.985.474

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất chế biến sản phẩm từ cây cao su, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.485.745.056		19.081.134.203		13.207.384.723	
Phải thu khách hàng	41.653.411.374	(23.050.335.537)	52.274.793.269	(23.050.335.537)	46.870.927.246	(23.050.335.537)
Trả trước cho người bán	28.524.379.049		3.148.325.610		5.721.427.825	
Các khoản phải thu khác	2.134.403.715	(40.000.000)	1.646.562.761	(40.000.000)	2.440.980.344	(40.000.000)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.675.000.000		48.791.235.945		50.675.000.000	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.908.100.000	(3.865.053.909)	11.908.100.000	(3.567.521.632)	11.908.100.000	(3.865.053.909)
Cộng	95.797.939.194	(26.955.389.446)	76.150.815.843	(26.657.857.169)	68.240.720.138	(23.090.335.537)
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	9.203.700.432		10.752.967.847		9.203.700.432	10.752.967.847
Người mua trả tiền trước	19.221.201.643				19.221.201.643	
Vay và nợ	56.729.050.095		10.293.188.528		56.729.050.095	10.293.188.528
Phải trả người lao động	5.876.084.084		6.502.842.784		5.876.084.084	6.502.842.784
Các khoản phải trả khác	7.874.520.168		7.812.364.745		7.874.520.168	7.812.364.745
Cộng	98.904.556.422		35.361.363.904		98.904.556.422	35.361.363.904

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại cuối niên độ kế toán cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các tiền gửi kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	51.500.000.000	7.500.000.000

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV TV TC Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs). Số liệu trên Báo cáo lưu chuyển tệ riêng năm nay được lập theo phương pháp gián tiếp. Số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất số năm trước theo đó được trình bày lại phương pháp lập gián tiếp, số liệu này đã được phân loại và điều chỉnh cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

- PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

GIANG HOA VŨ

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH 2024 KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2024
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU**

*Báo cáo tài chính riêng cho năm 2024
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

*Báo cáo tài chính riêng cho năm 2024
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU**

*Báo cáo tài chính riêng cho năm 2024
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: **100.303.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định - Phường Võ Thị Sáu - Quận 3 - Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở); Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giấy dếp (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Gia công, sản xuất giấy thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và sản phẩm cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dếp (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giày thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn dầu bảo, mùn cưa, bột gỗ, củi băm và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giày dếp, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giày dếp, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển nặng, hạ hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghiệp); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

- + Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc
- + Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa

Danh sách các đơn vị trực thuộc:

- + Văn phòng Công ty
- + Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp
- + Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Kho Vận
- + Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Tam Phước

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính Công ty có 38 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 40 nhân viên).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Phan Đình Phúc	Chủ tịch
Ông:	Giang Hoa Vũ	Thành viên
Ông:	Lê Tuấn Linh	Thành viên
Ông:	Đoàn Kim Tài	Thành viên
Ông:	Phan Trọng Quỳnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Giang Hoa Vũ	Tổng Giám đốc
Ông:	Bùi Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Bùi Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà:	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Trưởng ban
Bà:	Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo	Thành viên
Ông:	Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Giang Hoa Vũ

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Bảo Châu

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su phê duyệt Báo cáo tài chính riêng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU
CAO SU

QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**

**Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su được lập ngày 09 tháng 01 năm 2025, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần lưu ý.

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng như đã trình bày tại Thuyết minh V.06, đến ngày 31/12/2024 các khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi. Ban Tổng Giám đốc công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thu hồi các khoản công nợ nói trên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tân

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2023-142-1



M.S.D.N. 0305011720
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		134.430.633.479	75.628.707.751
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	18.920.783.359	17.073.047.827
111	1. Tiền		18.920.783.359	17.073.047.827
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	73.000.000.000	38.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		73.000.000.000	38.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.838.802.750	16.153.598.508
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	23.680.950.708	28.196.816.964
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		27.789.202.626	2.105.774.264
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	1.922.626.717	1.404.984.581
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(21.869.597.264)	(21.869.597.264)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.05	6.315.619.963	6.315.619.963
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	3.415.993.876	3.409.206.603
141	1. Hàng tồn kho		3.450.859.319	3.444.072.046
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(34.865.443)	(34.865.443)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.255.053.494	992.854.813
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		360.239.925	429.621.303
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	894.813.569	563.233.510
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

01/172
ÔNG T
TNH
VỤ TL
ÍNH K
KIỂM
PHIA N
T.P.V

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		85.530.075.319	86.421.355.383
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		107.858.493	107.858.493
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	107.858.493	107.858.493
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		32.203.791.546	32.934.247.448
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	27.174.477.275	27.675.351.221
222	- Nguyên giá		69.277.000.942	67.098.732.042
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(42.102.523.667)	(39.423.380.821)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	5.029.314.271	5.258.896.227
228	- Nguyên giá		10.199.685.741	10.199.685.741
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.170.371.470)	(4.940.789.514)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	1.139.954.084	1.139.954.084
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.139.954.084	1.139.954.084
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	51.043.046.091	51.340.578.368
251	1. Đầu tư vào công ty con		43.000.000.000	43.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.908.100.000	11.908.100.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.865.053.909)	(3.567.521.632)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.035.425.105	898.716.990
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.035.425.105	898.716.990
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		219.960.708.798	162.050.063.134

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		78.744.614.360	24.291.375.007
310	I. Nợ ngắn hạn		65.220.840.548	10.767.601.195
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	447.099.122	1.322.158.050
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		16.246.412.381	64.056.220
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	136.995.876	170.123.919
314	4. Phải trả người lao động		1.996.750.207	1.609.131.841
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	7.673.638.962	7.602.131.165
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	38.719.944.000	
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		13.523.773.812	13.523.773.812
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.16	3.230.585.284	3.230.585.284
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	10.293.188.528	10.293.188.528
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.17	141.216.094.438	137.758.688.127
410	I. Vốn chủ sở hữu		141.216.094.438	137.758.688.127
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.303.080.000	100.303.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		99.907.080.000	99.907.080.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		396.000.000	396.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		31.410.714.600	31.410.714.600
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.678.000.000)	(2.678.000.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		12.854.695.083	12.854.695.083
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(674.395.245)	(4.131.801.556)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(4.131.801.556)	(6.919.959.724)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.457.406.311	2.788.158.168
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		219.960.708.798	162.050.063.134

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



PHÙNG TUẤN LÂM



NGUYỄN BẢO CHÂU





GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL.01	125.209.936.835	124.551.113.093
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		125.209.936.835	124.551.113.093
11	4. Giá vốn hàng bán	VL.02	112.709.892.111	111.962.931.142
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.500.044.724	12.588.181.951
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL.03	7.599.466.415	4.484.930.114
22	7. Chi phí tài chính	VL.04	334.715.839	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		37.183.562	
24	8. Chi phí bán hàng	VL.05	216.888.000	177.308.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VL.06	16.083.400.248	14.377.708.205
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.464.507.052	2.518.095.860
31	11. Thu nhập khác	VL.07	1.213.278.900	808.787.163
32	12. Chi phí khác	VL.08	1.220.379.641	538.724.855
40	13. Lợi nhuận khác		(7.100.741)	270.062.308
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.457.406.311	2.788.158.168
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.457.406.311	2.788.158.168

29-C.T.
T
H
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
TOÁN
HÀN
HỒ CHÍ MINH

19
19
PH
SH
ÁP
19
HỒ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



PHÙNG TUẤN LÂM

NGUYỄN BẢO CHÂU

GIANG HOA VŨ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.457.406.311	2.788.158.168
2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		2.908.724.802	3.015.425.075
03	- Các khoản dự phòng		297.532.277	(1.481.370.000)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.599.466.415)	(4.761.719.234)
06	- Chi phí lãi vay		37.183.562	
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(898.619.463)	(439.505.991)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(21.947.402.923)	(8.077.199.354)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.787.273)	(32.435.641.110)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.733.295.353	42.516.215.938
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(136.708.115)	(563.806.268)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(37.183.562)	
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.293.405.983)	1.000.063.015
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.178.268.900)	
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			279.400.000
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(118.000.000.000)	(51.000.000.000)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		83.000.000.000	35.000.000.000
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.597.000.253	4.482.319.234
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(29.581.268.647)	(11.238.280.766)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		38.719.944.000	
34	- Tiền trả nợ gốc vay			
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		38.719.944.000	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.845.269.370	(10.238.217.751)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.073.047.827	27.308.654.698
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.466.162	2.610.880
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		18.920.783.359	17.073.047.827

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

PHÙNG TUẤN LÂM

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẢO CHÂU

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU
CAO SU
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

GIANG HOA VŨ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su tiền thân là Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su (Số đăng ký kinh doanh 102451 do Trọng tài kinh tế cấp ngày 18 tháng 03 năm 1993). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ phần lần đầu số 4103003436 ngày 28 tháng 05 năm 2005, đăng ký thay đổi bổ sung lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là:

100.303.080.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 64 Trương Định - Phường Võ Thị Sáu - Quận 3 - Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su (Mã ngành: 125 - không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Mã ngành: 210 - Chi tiết: Trồng cây rừng trồng khác không hoạt động tại trụ sở); Khai thác gỗ (Mã ngành: 221 - Chi tiết: Khai thác cây cao su); Sản xuất giấy dếp (Mã ngành: 1520 - Chi tiết: Gia công, sản xuất giấy thể thao xuất khẩu); Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Mã ngành: 1621); Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Mã ngành: 1622); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (Mã ngành: 1629 - Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Mã ngành: 2013); Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Mã ngành: 2212 - Chi tiết: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác trừ chế biến gỗ, sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Mã ngành: 2220); Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Mã ngành: 3240); Xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4290 - Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống (Mã ngành: 4620 - Chi tiết: Mua bán hàng nông sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dếp (Mã ngành: 4641); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mã ngành: 4649 - Chi tiết: Mua bán giày thể thao xuất khẩu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành: 4659 - Chi tiết: Mua bán máy móc phương tiện vận tải, máy thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm từ cao su của công ty); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mã ngành: 4661 - Chi tiết: Bán buôn dầu hỏa, mùn cưa, bột gỗ, củi băm và các sản phẩm liên quan dùng làm chất đốt trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành: 4663 - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Mã ngành: 4669 - Chi tiết: Mua bán cao su và sản phẩm cao su giấy dếp, bao bì. Mua bán phân bón, hóa chất trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh. Mua bán vật tư cho luyện kim, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất. Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ); Bán lẻ hàng may mặc, giày dếp, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4771); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành: 4773 - Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933 - Chi tiết: Vận chuyển nặng, hạ hàng hóa); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810 - Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Mã ngành: 7730 - Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị công nghệ); Dịch vụ đóng gói (Mã ngành: 8292 - Chi tiết: xếp dỡ hàng hóa, đóng gói sản phẩm trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
+ Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc	50 - 52 Võ Văn Tần, P.VTS, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này: Kinh doanh, thương mại			
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	502A Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống nhất 1, P.Dĩ An, TP.Dĩ An, Bình Dương	100%	100%

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này: Sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ

- Danh sách các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Văn phòng Công ty	64 Trương Định - Phường Võ Thị Sáu - Quận 3 - Tp. Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Cao su Kỹ thuật Tam Hiệp	Đường số 3, KCN Biên hòa 1, Đồng Nai
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Kho Vận	Số 2A/2 Trần Hưng Đạo, Dĩ An, Bình Dương
+ Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Tam Phước	Lô 43 đường số 7 KCN Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính Công ty có 38 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 40 nhân viên).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng kỳ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



15/1
T
ÁN
LẬP
KH
S
C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ;

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoại lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

10 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

12 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quá biểu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

5011
CÔNG
TNI
H VU
CHÍNH
À KIẾ
PHIA

ĐỀ

ÔN

ỚP

NE

NH

VC

Đ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



2024/12/31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	132.209.095	364.848.004
- VND	132.209.095	364.848.004
Tiền gửi không kỳ hạn	18.788.574.264	16.708.199.823
- VND	18.718.271.156	16.640.383.765
- USD	49.943.237	47.480.689
- EUR	20.359.871	20.335.369
Cộng	18.920.783.359	17.073.047.827

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	73.000.000.000	73.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Tân Bình - TP.HCM)	73.000.000.000	73.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000
b2) Dài hạn				
Cộng	73.000.000.000	73.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	43.000.000.000			43.000.000.000		
+ Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc	20.000.000.000			20.000.000.000		
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	23.000.000.000			23.000.000.000		
Đầu tư vào đơn vị khác	11.908.100.000	3.705.000.000	(3.865.053.909)	11.908.100.000	4.275.000.000	(3.567.521.632)
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cao su (*)	1.500.000.000		(1.418.084.760)	1.500.000.000		(1.116.653.096)
+ Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su (*)	2.596.100.000		(2.446.969.149)	2.596.100.000		(2.450.868.536)
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh (*)	6.312.000.000			6.312.000.000		
+ Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	1.500.000.000	3.705.000.000		1.500.000.000	4.275.000.000	
Cộng	54.908.100.000	3.705.000.000	(3.865.053.909)	54.908.100.000	4.275.000.000	(3.567.521.632)
Chỉ chú:						

Ghi chú:

(*) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm:

- Công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
+ Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc	100%	100%	960.199.999	960.199.999
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	100%	100%	1.892.809.832	1.892.809.832

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

Công ty	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
+ Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc	- Thu lợi nhuận	961.919.126
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	- Thu tiền thuế tài sản	1.800.000.000
	- Thu lợi nhuận	2.489.731.778

03. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a. Ngắn hạn

Bên khác

+ CN Công ty CB & XNK Thủy sản Đồng Tháp - Nhà máy Việt Đan

+ Công ty CP SX-XNK Lâm sản và hàng tiêu thủ Công nghiệp

+ Công ty TNHH SX TM DV Hữu Nghị

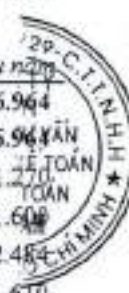
+ Đối tượng khác

Bên liên quan

b. Dài hạn

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
23.680.950.708	28.196.816.964
23.680.950.708	28.196.816.964
8.956.471.270	8.956.471.270
3.870.681.600	3.870.681.600
7.843.792.484	7.843.792.484
3.010.005.354	7.525.871.610



006
00N
00P
00G
00H
00O
00P
00H

04. PHẢI THU KHÁC

a. Ngắn hạn

Tạm ứng

Phải thu khác

Bên khác

+ Tòa án nhân dân Quận 1, TP.HCM

+ Tòa án nhân dân TP.HCM

+ Ngân hàng TMCP Việt Á - CN

Tân Bình - TP.HCM

+ Đối tượng khác

Bên liên quan

b. Dài hạn

Bên liên quan (*)

+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su

Việt Nam - CTCP

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
1.922.626.717		1.404.984.581	
355.000.000		465.661.000	
1.567.626.717		939.323.581	
1.567.626.717		939.323.581	
56.294.421		56.294.421	
116.399.896		116.399.896	
500.679.452			
894.252.948		766.629.264	
107.858.493		107.858.493	
107.858.493		107.858.493	
107.858.493		107.858.493	
2.030.485.210		1.512.843.074	

Ghi chú: (*) Số liệu đầu năm bên liên quan được Thuyết minh trình bày phân loại lại cho phù hợp với trình bày số liệu cuối năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

05. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản khác (*)		6.315.619.963		6.315.619.963
Cộng		6.315.619.963		6.315.619.963

Ghi chú: (*) Đây là giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản chờ xử lý khi cổ phần hóa doanh nghiệp có nguồn gốc được hình thành từ nguồn vốn vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp và khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho khoan lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

06. NỢ XUẤT

a. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.869.597.264		21.869.597.264	
+ Công ty CP CB và XNK Thủy sản Đồng Tháp	8.956.471.270		8.956.471.270	
+ Công ty CP SX - XNK Lâm sản và hàng tiêu thụ Công nghiệp (UPEXIM)	3.870.681.600		3.870.681.600	
+ Công ty TNHH SXTMDV Hữu Nghị	7.843.792.484		7.843.792.484	
+ Đối tượng khác	1.198.651.910		1.198.651.910	
- Phải thu cho vay				
Cộng	21.869.597.264		21.869.597.264	

b. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: Không có

07. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	123.347.580		43.207.769	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.976.590.931		2.976.590.931	
- Hàng hóa	316.055.365		389.407.903	
- Hàng gửi đi bán	34.865.443	(34.865.443)	34.865.443	(34.865.443)
Cộng	3.450.859.319	(34.865.443)	3.444.072.046	(34.865.443)

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

08 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b. Xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm

Xây dựng cơ bản

+ Dự án Trảng Bom

+ Chi phí giải tỏa XN Bình Điền

+ Chi phí đo đạc khu Nam Sài Gòn

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.139.954.084	1.139.954.084
1.063.349.360	1.063.349.360
45.781.818	45.781.818
30.822.906	30.822.906
<u>1.139.954.084</u>	<u>1.139.954.084</u>

||
01
CỘNG
TÀI
H VI
HINI
KẾ
PHỤ
T.F
||

A.C.P ★ HƯ

A.C.P ★ HƯ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	47.736.132.421	10.843.123.830	8.700.528.402	4.098.684.661		67.098.732.042
2. Số tăng trong năm	1.344.788.900			833.480.000		2.178.268.900
- Mua trong năm						
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.344.788.900			833.480.000		2.178.268.900
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	49.080.921.321	10.843.123.830	8.700.528.402	4.932.164.661		69.277.000.942
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	25.804.377.441	9.875.648.647	5.705.293.071	1.702.992.374		39.423.380.821
2. Khấu hao trong năm	1.962.942.521	127.735.982	461.850.978	126.613.365		2.679.142.846
- Khấu hao trong năm	1.962.942.521	127.735.982	461.850.978	126.613.365		2.679.142.846
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối năm	27.767.319.962	10.003.384.629	6.167.144.049	1.829.605.739		42.102.523.667
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	21.931.754.980	967.475.183	2.995.235.331	2.395.692.287		27.675.351.221
2. Tại ngày cuối năm	21.313.601.359	839.739.201	2.533.384.353	3.102.558.922		27.174.477.275

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.749.671.909 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



16/ 02/ 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vì tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	8.600.000.000		1.599.685.741	10.199.685.741
2. Số tăng trong năm				
- Mua trong năm				
- Tăng khác				
3. Số giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4. Số dư cuối năm	8.600.000.000		1.599.685.741	10.199.685.741
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	3.626.956.538		1.313.832.976	4.940.789.514
2. Khấu hao trong năm	177.608.696		51.973.260	229.581.956
- Khấu hao trong năm	177.608.696		51.973.260	229.581.956
- Tăng khác				
3. Giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4. Số dư cuối năm	3.804.565.234		1.365.806.236	5.170.371.470
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	4.973.043.462		285.852.765	5.258.896.227
2. Tại ngày cuối năm	4.795.434.766		233.879.505	5.029.314.271

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 40.488.182 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

ĐC
ÔN
ỐP
NC
NH
VC
P
P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
b. Dài hạn	1.035.425.105	898.716.990
Các khoản khác	1.035.425.105	898.716.990
Cộng	1.035.425.105	898.716.990

12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND	38.719.944.000	38.719.944.000	38.719.944.000			
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN 3 - TP.HCM (1)	38.719.944.000	38.719.944.000	38.719.944.000			
Cộng	38.719.944.000	38.719.944.000	38.719.944.000			

b. Vay dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 5 năm	10.293.188.528	10.293.188.528			10.293.188.528	10.293.188.528
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	10.293.188.528	10.293.188.528			10.293.188.528	10.293.188.528
Cộng	10.293.188.528	10.293.188.528			10.293.188.528	10.293.188.528

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Ghi chú: (1) Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức VND	Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN 3 - TP.HCM	Số 1602-LAV-202400984 ngày 21/11/2024	40.000.000.000	12	Theo từng lần nhận nợ	Phục vụ SXKD	Thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

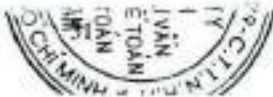
(2) Khoản vay ODA của Chính phủ từ năm 1996 bằng máy móc, thiết bị thông qua Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Khu chế xuất Tân Thuận. Khoản vay này Chính phủ đã có Văn bản số 4055/VOCP/QHQT ngày 23/7/2002 cho khoan lại để xử lý chung cùng với các đơn vị khác có vay vốn của Chính phủ Ấn Độ.

c. Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: không có

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

- a. Ngắn hạn
Bên khác
+ Công ty TNHH Quốc tế Anh Sơn
+ Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật Thiện Văn
+ Phải trả cho các đối tượng khác
Bên liên quan
b. Dài hạn
Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
447.099.122	447.099.122	1.322.158.050	1.322.158.050
447.099.122	447.099.122	1.322.158.050	1.322.158.050
45.900.000	45.900.000		
166.640.000	166.640.000	64.900.000	64.900.000
234.559.122	234.559.122	1.257.258.050	1.257.258.050
447.099.122	447.099.122	1.322.158.050	1.322.158.050



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT		132.252.314	764.496.537	793.565.103	161.320.880	
Thuế xuất, nhập khẩu	236.829.925					236.829.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp	326.403.585					326.403.585
Thuế thu nhập cá nhân		4.743.562	65.740.398	69.799.875	8.803.039	
Thuế tài nguyên						
Khác	331.580.059		231.444.665	563.024.724		
Cộng	894.813.569	136.995.876	1.061.681.600	1.426.389.702	170.123.919	563.233.510

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	7.673.638.962	7.602.131.165
Kinh phí công đoàn	36.064.726	37.915.353
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.007.456.250	3.007.456.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	219.509.720	243.509.720
Phải trả về lãi vay ODA	1.471.290.929	1.471.290.929
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.939.317.337	2.841.958.913
Bên khác	2.835.997.337	2.762.638.913
+ Công ty CP Địa ốc 9	300.000.000	300.000.000
+ Công ty CP Địa ốc 7	300.000.000	300.000.000
+ Đối tượng khác	2.235.997.337	2.162.638.913
Bên liên quan (*)	103.320.000	79.320.000
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	103.320.000	79.320.000
b. Dài hạn		
Cộng	7.673.638.962	7.602.131.165

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

Ghi chú: (*) Số liệu đầu năm bên liên quan được Thuyết minh trình bày phân loại lại cho phù hợp với trình bày số liệu cuối năm

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
b. Dài hạn	3.230.585.284	3.230.585.284
Doanh thu nhận trước - Dự án 4/35 Độc Lập	3.230.585.284	3.230.585.284
Cộng	3.230.585.284	3.230.585.284

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo các hợp đồng được ký kết giữa công ty và các bên theo quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 21/06/2005 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc xây dựng dự án 4/35 Độc Lập tại Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.678.000.000)	12.854.695.083		(6.919.959.724)	134.970.529.959
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước						2.788.158.168	2.788.158.168
Lỗ trong năm trước							
Chia cổ tức							
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.678.000.000)	12.854.695.083		(4.131.801.556)	137.758.688.127
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay						3.457.406.311	3.457.406.311
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Thù lao hội đồng quản trị							
Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	100.303.080.000	31.410.714.600	(2.678.000.000)	12.854.695.083		(674.395.245)	141.216.094.438

Ngày 12/12/2024



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

17. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của công ty mẹ	69.333.330.000	69,12%	69.333.330.000	69,12%
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	69.333.330.000	69,12%	69.333.330.000	69,12%
Vốn góp của các đối tượng khác	30.969.750.000	30,88%	30.969.750.000	30,88%
Cộng	100.303.080.000	100,00%	100.303.080.000	100,00%

17. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	100.303.080.000	100.303.080.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	100.303.080.000	100.303.080.000

17. 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.030.308	10.030.308
- Cổ phiếu phổ thông	9.990.708	9.990.708
- Cổ phiếu ưu đãi	39.600	39.600
Số lượng cổ phiếu được mua lại	126.600	126.600
- Cổ phiếu phổ thông	126.600	126.600
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.903.708	9.903.708
- Cổ phiếu phổ thông	9.864.108	9.864.108
- Cổ phiếu ưu đãi	39.600	39.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

17. 5. Các quỹ của công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	12.854.695.083	12.854.695.083

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	1.977,95	1.977,95
- Bảng Anh (EUR)	780,64	779,85

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	101.159.951.053	99.502.706.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.049.985.782	25.048.407.093
Cộng	125.209.936.835	124.551.113.093

Doanh thu đối với các bên liên quan: Xem trình bày tại Thuyết minh VIII.03

02 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	105.516.544.532	97.497.144.567
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.193.347.579	14.465.786.575
Cộng	112.709.892.111	111.962.931.142

03 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.624.429.349	1.390.710.657
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.972.570.904	3.091.608.577
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.466.162	2.610.880
Cộng	7.599.466.415	4.484.930.114

04 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	37.183.562	
Chi phí tài chính khác: (dự phòng đầu tư vào đơn vị khác)	297.532.277	
Cộng	334.715.839	

05 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.888.000	177.308.000
Cộng	216.888.000	177.308.000

06 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	182.474.562	166.889.349
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.009.078	103.623.882
Chi phí nhân viên	8.935.772.984	9.016.489.863
Chi phí khấu hao	82.749.374	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.355.580.598	5.834.374.373
Thuế, phí, lệ phí	58.593.221	56.776.763
Hoàn nhập dự phòng		(1.481.370.000)
Các khoản chi phí QLDN khác	448.220.431	680.923.975
Cộng	16.083.400.248	14.377.708.205

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

07. THU NHẬP KHÁC

Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
	279.400.000
1.213.278.900	529.387.163
1.213.278.900	808.787.163

08. CHI PHÍ KHÁC

Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.220.379.641	538.724.855
1.220.379.641	538.724.855

09. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
Chi phí nhân công
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác bằng tiền

Cộng

Năm nay	Năm trước
57.706.091.254	56.591.318.556
16.449.865.782	16.132.085.443
1.789.950.742	1.755.372.274
1.911.875.173	1.874.941.355
2.455.509.106	2.408.073.308
80.313.292.056	78.761.790.936

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:

Năm nay	Năm trước
38.719.944.000	

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

Năm nay	Năm trước

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03. Thông tin về các bên liên quan

- a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm nay	Năm trước
Tiền lương		1.260.000.000	1.228.181.818
+ Phan Đình Phúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	288.000.000	288.000.000
+ Giang Hoa Vũ	Tổng Giám đốc	276.000.000	276.000.000
+ Trần Công Hải	P.TGD - nghỉ hưu tháng 12/2023		180.000.000
+ Bùi Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc	240.000.000	28.181.818
+ Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Trưởng Ban Kiểm soát	228.000.000	228.000.000
+ Nguyễn Bảo Châu	Kế toán trưởng	228.000.000	228.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc	Công ty con
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	Công ty con
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
+ Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
+ Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
+ Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	Đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
+ Công ty TNHH MTV TM và Địa ốc Hồng Phúc	- Thu lợi nhuận	961.919.126	949.513.301
	- Tiền BHXH, BHYT, BHTN ông Bùi Văn Dũng	72.554.496	71.669.533
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Gỗ Đồng Hòa	- Thu tiền thuê đất và tài sản	1.800.000.000	1.000.000.000
	- Phân phối lợi nhuận	2.489.731.778	1.474.439.276
	- Tiền BHXH, BHYT, BHTN ông Lê Tuấn Linh	72.554.496	71.552.000
+ Ông Phan Đình Phúc - Chủ tịch HĐQT Công ty	- Tạm ứng	10.000.000	
+ Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	- Thu tiền cho thuê văn phòng	63.000.000	
+ Công ty CP Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	- Thu tiền cho thuê văn phòng	176.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
+ Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	- Thu tiền cổ tức	300.000.000	270.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	- Thu tiền cổ tức	220.920.000	397.656.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Phải thu

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	- Phải thu về cổ phần hóa	107.858.493	107.858.493

Phải trả

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	- Phải trả khác	103.320.000	79.320.000

111
TNI
VU
NH
GIEN
HA
C.P

C.P + M

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

04. Thông tin bộ phận
a. Khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2024	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.209.936.835		125.209.936.835
Các khoản giảm trừ doanh thu			
Chi phí bộ phận	129.010.180.359		129.010.180.359
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.800.243.524)		(3.800.243.524)
Doanh thu hoạt động tài chính	7.599.466.415		7.599.466.415
Chi phí tài chính	334.715.839		334.715.839
Thu nhập khác	1.213.278.900		1.213.278.900
Chi phí khác	1.220.379.641		1.220.379.641
Chi phí thuế TNDN hiện hành			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.457.406.311		3.457.406.311

Báo cáo tóm tắt các chỉ tiêu tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	219.960.708.798		219.960.708.798
Tài sản không phân bổ			
Tổng tài sản	219.960.708.798		219.960.708.798
Nợ phải trả bộ phận	78.744.614.360		78.744.614.360
Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	78.744.614.360		78.744.614.360



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận (tiếp theo)

b. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất chế biến sản phẩm từ gỗ, thương mại, xuất khẩu sản phẩm gỗ
Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.920.783.359		17.073.047.827		18.920.783.359	17.073.047.827
Phải thu khách hàng	23.680.950.708	(21.829.597.264)	28.196.816.964	(21.829.597.264)	1.851.353.444	6.367.219.700
Trả trước cho người bán	27.789.202.626		2.105.774.264		27.789.202.626	2.105.774.264
Các khoản phải thu khác	2.030.485.210	(40.000.000)	1.512.843.074	(40.000.000)	1.990.485.210	1.472.843.074
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.000.000.000		38.000.000.000		73.000.000.000	38.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	54.908.100.000	(3.865.053.909)	54.908.100.000	(3.567.521.632)	51.043.046.091	51.340.578.368
Cộng	200.329.521.903	(25.734.651.173)	141.796.582.129	(25.437.118.896)	174.594.870.730	116.359.463.233
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	447.099.122		1.322.158.050		447.099.122	1.322.158.050
Người mua trả tiền trước	16.246.412.381				16.246.412.381	
Vay và nợ	49.013.132.528		10.293.188.528		49.013.132.528	10.293.188.528
Phải trả người lao động	1.996.750.207		1.609.131.841		1.996.750.207	1.609.131.841
Các khoản phải trả khác	7.673.638.962		7.602.131.165		7.673.638.962	7.602.131.165
Cộng	75.377.033.200		20.826.609.584		75.377.033.200	20.826.609.584

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

04. Thông tin bổ phận (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá ghi sổ.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại cuối niên độ kế toán cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

05. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

05 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.
Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	447.099.122			447.099.122
Người mua trả tiền trước	16.246.412.381			16.246.412.381
Vay và nợ	38.719.944.000		10.293.188.528	49.013.132.528
Chi phí phải trả				
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.673.638.962			7.673.638.962
Cộng	63.087.094.465		10.293.188.528	73.380.282.993

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

05. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b. Rủi ro thanh khoản

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.977,95	1.977,95
Phải thu khách hàng		
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	1.977,95	1.977,95

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	949.614	924.098
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	(949.614)	(924.098)

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

1172
NG T
TNHH
VU TU
INH KẾ
KIỂM T
PHIA N
T.P.H

943

NG T'
PHÁP
GHIẾP
ÁP K
SL
HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	44.000.000.000	

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

07. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV TV TC Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs). Số liệu trên Báo cáo lưu chuyển tệ riêng năm nay được lập theo phương pháp gián tiếp. Số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng số năm trước theo đó được trình bày lại phương pháp lập gián tiếp, số liệu này đã được phân loại và điều chỉnh cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đan Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

PHÙNG TUẤN LÂM

NGUYỄN BẢO CHÂU



GIANG HOA VŨ



CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
& QUY CHẾ BẦU CỬ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**



ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP & XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 06/4/2023,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su được tiến hành theo những quy định sau:

Điều 1. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham gia dự Đại hội.

1. Cổ đông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại đại hội. Người được ủy quyền tới dự đại hội phải xuất trình Giấy ủy quyền theo quy định. Người nhận ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ 3.
3. Cổ đông khi nhận được thư mời dự đại hội phải phản hồi cho Ban tổ chức để chốt danh sách và sắp xếp dự họp.
4. Khi tiến hành đăng ký dự họp, cổ đông sẽ được nhận các phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử trên đó có ghi họ và tên của cổ đông, mã số cổ đông và số phiếu được quyền biểu quyết của cổ đông đó.
5. Cổ đông đến dự Đại hội trễ sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội.
6. Cổ đông đến dự Đại hội phải nghiêm túc chấp hành nội quy, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội.



Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội.

1. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm triệu tập, đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, cung cấp mã QR của tài liệu, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử cho những cổ đông hoặc đại diện cổ đông được ủy quyền có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Ban tổ chức tiếp nhận giấy tờ do người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội.

3. Ban tổ chức có quyền từ chối cung cấp tài liệu Đại hội khi cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban bầu cử.

1. Ban bầu cử do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua tại Đại hội và không phải là người có tên trong danh sách đề cử hay ứng cử vào Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị.

2. Ban bầu cử có nhiệm vụ:

a. Chuẩn bị quy chế bầu cử, hướng dẫn bầu cử, chuẩn bị hòm phiếu, danh sách các ứng viên để bầu cử.

b. Hướng dẫn các cổ đông bầu cử tại Đại hội: phát phiếu bầu cử cho các cổ đông, hướng dẫn trình tự bỏ phiếu, giám sát việc bỏ phiếu bầu. Tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội, giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cử đó cho Thư ký Đại hội.

c. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội đối với từng vấn đề thảo luận tại Đại hội. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Đoàn chủ tịch và Thư ký đại hội

3. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban bầu cử tiến hành một cách trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch và Đoàn thư ký Đại hội.

1. Đoàn chủ tịch Đại hội do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, Đoàn thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội theo chương trình, quy chế được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết.

5. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội thành công tốt đẹp.

6. Đoàn thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 5. Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội.

3. Việc thảo luận sẽ được thực hiện sau khi tất cả các báo cáo và tờ trình được đọc và báo cáo tại Đại hội.

4. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo nguyên tắc, thể lệ biểu quyết theo điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nguyên tắc biểu quyết.

1. Đúng điều lệ, đúng luật và chính xác.

2. Nghị quyết về các nội dung được thông qua tại đại hội đảm bảo tỷ lệ cổ đông dự họp biểu quyết tán thành theo quy định tại điều lệ công ty, pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

4. Những vấn đề biểu quyết trực tiếp tại Đại hội thì Ban tổ chức sẽ xin biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp: các cổ đông giơ thẻ biểu quyết theo thứ tự tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Điều 7. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội.

Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội.

2. Phải giơ tay xin ý kiến Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu (trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời thứ tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình).

3. Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của cổ đông nếu thấy cần thiết.

4. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp thứ tự sau đó.

5. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:



- Ngắn gọn và rõ ràng. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban tổ chức 02 ngày trước kỳ diễn ra Đại hội.

- Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.

- Không đề xuất các vấn đề không thuộc quyền hạn của HĐQT.

- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

Điều 8. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản, các vấn đề biểu quyết thông qua trước Đại hội phải được đưa vào Nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Phan Đình Phúc



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUY CHẾ

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU NHIỆM KỲ 2025 – 2030 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su được Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất thông qua ngày 06/4/2023;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su tiến hành bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo các quy định sau:

Điều 1: Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử:

Việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su được thực hiện theo nguyên tắc:

- a. Bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- b. Việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của Công ty được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông sở hữu cổ phần có tên trong danh sách đăng ký tham dự và có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Điều 2: Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030

1. Số lượng và nhiệm kỳ Thành viên Hội đồng quản trị:



- Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị được bầu là 05 (năm) thành viên.
- Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

3. Đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị

Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, đề cử, ứng cử Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025-2030

1. Số lượng và nhiệm kỳ Kiểm soát viên:

- Số lượng Kiểm soát viên được bầu là 03 (ba) thành viên.
- Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Kiểm soát viên:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.
- Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên:

Việc đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4: Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên

- Đơn đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị / Kiểm soát viên của cổ đông / nhóm cổ đông (theo mẫu đính kèm).
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu).
- Bản sao chứng thực Chứng minh nhân dân (CMND), Căn cước công dân

(CCCD), Hộ chiếu (nếu là Việt kiều, người nước ngoài) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Người đề cử và người ứng cử vào vị trí Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ đề cử, ứng cử của mình.

Điều 5: Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các đơn đề cử và ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 sẽ tổng hợp và lập danh sách các ứng cử viên đủ điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và các văn bản liên quan. Danh sách ứng cử viên sẽ được trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua để thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.

Điều 6: Phương thức và cách thức bầu cử

1. Phương thức bầu cử:

Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể như sau:

- Mỗi cổ đông có tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần (bao gồm cổ phần sở hữu và cổ phần được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền dồn toàn bộ số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc phân bổ quyền biểu quyết của mình cho một số ứng cử viên.

- Tổng số quyền biểu quyết mà cổ đông có thể phân bổ cho các ứng viên không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc được ủy quyền.

2. Cách thức bầu cử:

- Việc bầu cử thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự cuộc họp sẽ được phát một phiếu bầu để bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên. Phiếu bầu có ghi mã số cổ đông để đảm bảo tính xác định.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền tự ghi số cổ phần được quyền biểu quyết cho mỗi ứng cử viên mà mình chọn, trong tổng số cổ phần mà mình có quyền biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu sẽ được ghi vào Biên bản kiểm phiếu.

Điều 7: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu hợp lệ:

- Phiếu bầu do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông phát hành, được in thống nhất và đóng dấu tròn của Công ty ở phía trên bên góc trái của phiếu, có ghi họ tên, mã số cổ đông, người đại diện, số cổ phần sở hữu và được ủy quyền, tổng số cổ phần được quyền biểu quyết.

- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền sẽ được phát phiếu bầu theo mã số cổ đông.

- Cổ đông phải tự mình ghi số cổ phần được quyền biểu quyết vào phiếu bầu cho ứng viên mà mình chọn. Phiếu bầu được ghi tối đa bằng số cổ phần được quyền biểu quyết hoặc một phần số cổ phần được quyền biểu quyết.

- Phiếu bầu không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung. Trường hợp ghi sai, cổ đông có thể đề nghị Ban bầu cử phát phiếu bầu mới và hủy phiếu bầu cũ.

2. Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức Đại hội phát ra, phiếu không có dấu tròn của Công ty, hoặc viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Phiếu có gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm, hoặc ghi tên ứng viên không đúng với danh sách ứng viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Phiếu bỏ trắng hoặc chỉ đánh dấu (X) vào ô số cổ phần bầu.

- Phiếu bầu có tổng số cổ phần biểu quyết vượt quá tổng số cổ phần được quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc được ủy quyền.

- Phiếu bầu cho số lượng ứng viên vượt quá số lượng Thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu tại cuộc họp

Điều 8: Ban bầu cử, nguyên tắc kiểm phiếu

1. Ban bầu cử:

- Ban bầu cử do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua.

- Thành viên Ban bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

- Ban bầu cử có trách nhiệm:

- + Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu cử.

- + Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện bầu cử của cổ đông trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

- + Tiếp nhận, kiểm tra và tổng hợp phiếu bầu, tiến hành kiểm phiếu theo đúng quy định.

- + Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.

- + Xem xét và báo cáo Đại hội về những đơn thư khiếu nại, thắc mắc liên quan đến việc kiểm phiếu (nếu có).

2. Nguyên tắc kiểm phiếu:

- Ban bầu cử tiến hành kiểm thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi Trưởng Ban bầu cử công bố thời điểm bắt đầu bầu cử và kết thúc khi Trưởng Ban bầu cử công bố thời điểm kết thúc bầu cử.
- Kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban bầu cử công bố tại Đại hội.

Điều 9: Nguyên tắc trúng cử

1. Theo quy định tại khoản 3 điều 148 Luật doanh nghiệp 2020: người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

Điều 10: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố tại Đại hội.

Điều 11: Khiếu nại và xử lý khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu chỉ được xem xét ngay tại Đại hội và được ghi vào biên bản Đại hội.

Điều 12. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su nhiệm kỳ 2025 – 2030 gồm có 12 điều có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua trước khi bầu cử và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Phan Đình Phúc



CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CP CN VÀ XNK CAO SU
DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUY CHẾ
Nội bộ về quản trị Công ty
Của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty;

2. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

3. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

4. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

5. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

6. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

7. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

8. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

9. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;

10. Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên;

11. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các Công ty con;

12. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

13. Ban kiểm tra tư cách cổ đông là bộ phận phụ trách công tác xác định điều kiện tiến hành đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

14. Công ty là Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su;

15. HĐQT là Hội đồng quản trị;

16. BKS là Ban kiểm soát;

17. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 15 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường trong các trường hợp sau đây:

- a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty;
- b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của BKS;
- e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc KSV còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty.

3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng BKS điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trừ trường hợp quy định tại khoản a Điều này, người ký tên triệu tập Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người

có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm trong các trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng hợp pháp.

f) Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g) Nhiệm vụ của Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

2. Thư ký đại hội:

a) Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

b) Nhiệm vụ của Thư ký Đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.

- Lập biên bản và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật.

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

a) Người triệu tập đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện theo ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp được tiến hành.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) hoặc các quy định khác của pháp luật.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

3. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang

thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- c) Phiếu biểu quyết.
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác với đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này.
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty.
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định

rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/ bầu cử trực tiếp tại cuộc họp.
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này (trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/ biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- Các hình thức đăng ký tham dự họp khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự Đại hội

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty.

b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

c) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền.
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

d) Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất [33%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 11. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

- a) Cuộc họp trực tiếp.
- b) Hội nghị trực tuyến.
- c) Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

- 1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- 2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
- 3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn Kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.
- 5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
- 6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 7. Báo cáo của Ban kiểm soát.
- 8. Mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
- 9. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- 11. Thông qua ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

12. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.
13. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.
14. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
15. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
16. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
17. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
18. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
19. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
20. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
21. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- e) Tổ chức lại, giải thể công ty.
- f) Gia hạn hoạt động công ty.
- g) Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định. (theo khoản 3 Điều 21)

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không

tán thành, không có ý kiến).

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn lựa và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký.

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp về từng vấn đề trong chương trình họp.

f) Số cổ đông và tổng số cổ phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có).

i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông đăng ký dự họp văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 18. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo

luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

1. Nguyên tắc chung:

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b) Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi cổ đông được cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử. Trên thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử:

a) Phiếu biểu quyết:

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b) Phiếu bầu cử:

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- + Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ.
- + Số ứng viên mà cổ đông bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu.
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.
- + Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty quy định.

Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

1. Nguyên tắc chung:

a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

b) Cổ đông thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền vào phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết:

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao thẻ biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giơ thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ thẻ biểu quyết, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

1. Nguyên tắc chung

a) Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và BKS.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a) Bầu cử theo phương thức dồn phiếu

- Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Cổ đông tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: mỗi cổ đông được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+Cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu.

+Cổ đông ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

- Nguyên tắc trúng cử:

+Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

+Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Quy chế này.

Điều 22. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

1. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

2. Ban Kiểm phiếu giám sát, theo dõi kết quả biểu quyết trong suốt quá trình biểu quyết và ghi nhận kết quả kiểm phiếu cuối cùng ngay sau khi thời điểm kết thúc biểu quyết.

3. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác và minh bạch của công tác kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu.

Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

a) Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

b) Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật: cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet.

3. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 24 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện

tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký trên này.

2. Khi cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/ điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của công ty.

3. Cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

a) Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

b) Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

c) Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực

tuyên.

d) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/ bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc

a) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.

b) Chỉ có cổ đông mới được tham gia thảo luận.

c) Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội.

d) Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông

a) Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông.

b) Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được công ty trả lời sau.

Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

a) Cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

b) Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu Điều lệ công ty không có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): thực hiện theo quy định bỏ

phiếu biểu quyết nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

a) Trường hợp cổ đông không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

b) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử, bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

d) Trong trường hợp cổ đông thực hiện bầu ghi số: phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

e) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu hai mươi bốn (24) giờ trong ngày và bảy (07) ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông.

Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi cổ đông thực hiện biểu quyết/ bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 30. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

2. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

2. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Định hướng phát triển Công ty.
4. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
6. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
7. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
8. Tổ chức lại, giải thể công ty.
9. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
10. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
11. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 32. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong tất cả trường hợp khi xét thấy cần thiết trừ việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.

Điều 33. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Quy định về phiếu lấy ý kiến

a) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- Mục đích lấy ý kiến.
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/ bầu cử đã tham gia biểu quyết/ bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/ bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/ bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/ bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/ bầu cử.

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có).

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

g) Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và biên bản kiểm phiếu:

a) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Chứng khoán.

7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật.

11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty.

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận (trường hợp vắng mặt phải có lý do chính đáng và báo trước cho HĐQT).

c) Báo cáo HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con và các doanh nghiệp khác có vốn góp đầu tư của Công ty tại cuộc họp HĐQT gần nhất khi có phát sinh.

d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất khi có phát sinh các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó, giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại Điều 26 của Điều lệ Công ty, được quyết định dựa trên các yêu cầu của pháp luật, nhu cầu cụ thể của Công ty và cổ đông vào từng thời kỳ.

2. Cơ cấu thành viên HĐQT:

a) Cơ cấu HĐQT của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

b) Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

c) Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

d) Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của một (01) công ty đại chúng.

3. Thành viên HĐQT của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 38. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) thì được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) thì được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) thì được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) thì được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 39. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao

xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

Điều 40. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 41. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 42. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b) Trình độ chuyên môn.
- c) Quá trình công tác.
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác).
- e) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty.
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

Điều 43. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- b) Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT.
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Công ty trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định bãi nhiệm hoặc chấp thuận từ chức của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm

vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 44. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 45. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 46. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường

1. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác.
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên HĐQT.
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

Điều 47. Thông báo họp HĐQT và quyền dự họp HĐQT của Kiểm soát viên

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT.

4. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 48. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 49. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở dưới sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết:

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.
- b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- c) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. HĐQT có quyền lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua Nghị quyết HĐQT khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Cuộc họp HĐQT có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp với các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được gọi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
- c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

6. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên

và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 50. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 51. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT (trường hợp vắng mặt phải có lý do chính đáng và báo trước cho HĐQT). Thành viên ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 52. Lập biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính.
- b) Thời gian, địa điểm họp.
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên theo trình tự diễn biến cuộc họp.
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- h) Vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua.
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 53 Quy chế này.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

Điều 53. Trường hợp Chủ tọa và/ hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp HĐQT

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Điều 52 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 54. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

Nghị quyết/Quyết định của HĐQT phải được thông báo tới các bên liên quan trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán (nếu có).

Điều 55. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là ba (03) người, bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 56. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Điều 57. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT của công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/ miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công viên liên quan giữa công ty và cổ đông.
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát.
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
4. Tham dự các cuộc họp.
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 61. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty như sau:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c) Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt

động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông.

e) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Điều 62. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của công ty là từ 03 đến 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 63. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

e) Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.

f) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

g) Có kinh nghiệm công tác từ ba (03) năm trở lên, am hiểu nghiệp vụ của công ty và hiểu biết về pháp luật.

h) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

i) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

3. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 64. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 38 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn

theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

Điều 66. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 67. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 68. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 69. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.

f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

g) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định.

h) Căn cứ quy định của chủ sở hữu về thời gian duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, công ty phải trình cho Hội đồng quản trị trước ba mươi (30) ngày để Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Điều 70. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty.

3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

4. Có năng lực kinh doanh, hiểu biết pháp luật, tổ chức quản lý doanh nghiệp.

5. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 71. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 70 Quy chế này và trình HĐQT xem xét khi công ty có nhu cầu.

Điều 72. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một (01) người khác làm Tổng giám đốc.

2. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

3. HĐQT có thẩm quyền ký kết/chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 73. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 74. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định.

2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

Điều 75. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả

hợp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định Chương III Quy chế này.

Điều 76. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 77. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/Quyết định HĐQT, biên bản họp HĐQT sau khi ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 78. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a) Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau đây:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/ nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả.

b) Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi.

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.

b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của công ty.

c) Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, lao động, tiền lương, phúc lợi, khen thưởng và

kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

d) Xin ý kiến HĐQT đối với Báo cáo tài chính kiểm toán cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua.

e) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

f) Xin ý kiến HĐQT phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.

g) Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của công ty.

Điều 79. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động.

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác.

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 80. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 79 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 81. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Tổng Giám đốc phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của HĐQT, BKS.

2. Các nội dung theo Điều 79 Quy chế này.

3. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan đến đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

4. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo HĐQT phải được gửi trước ít nhất là ba (03) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

5. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:

a) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

b) Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Yêu cầu của BKS phải được lập thành văn bản và có chữ ký của Trưởng BKS.

c) Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với HĐQT.

Điều 82. Phối hợp hoạt động

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT

Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, cụ thể như sau:

a) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả kiểm tra giám sát nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

b) Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc, thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

d) Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e) BKS có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

f) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi.

g) Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

h) HĐQT tạo điều kiện để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát. Cụ thể trình tự thủ tục như sau:

a) Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ mà Kiểm soát viên quan tâm.

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc, thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e) Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

f) Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a) Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị; điều hành hoạt động hàng ngày của công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của công ty và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của công ty.

b) Tổng Giám đốc được quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và các sự cố bất khả kháng hoặc các quyết định trong trường hợp liên quan đến thời cơ và cơ hội

kinh doanh trên cơ sở lợi ích của công ty. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với Hội đồng quản trị, đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định này.

c) Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

d) Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, lao động, tiền lương, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

e) Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

f) Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 84 Quy chế này phải được gửi đến HĐQT trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của HĐQT.

Điều 83. Quản lý thông tin bí mật, thông tin nội bộ của công ty

1. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc xây dựng/đề xuất các tiêu thức phân loại thông tin và hệ thống quản lý thông tin nội bộ, thông tin bí mật phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật. Về nguyên tắc thông tin nội bộ cần được quản lý tập trung từ trên xuống dưới. Từng bộ phận tùy theo đặc thù công việc có đánh giá mức độ nhạy cảm của các thông tin phát sinh tại bộ phận đó để có cách xử lý, bảo mật và quản lý thích hợp.

2. Trong quá trình phát triển hoạt động kinh doanh, danh mục các thông tin cần được thường xuyên bổ sung và cập nhật để quản lý, theo dõi chặt chẽ, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của việc tiết lộ thông tin nội bộ ra bên ngoài.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Chính sách an ninh thông tin và cụ thể hóa các quy định, quy trình về tránh xung đột lợi ích của Công ty để điều chỉnh các hành vi liên quan đến việc sử dụng thông tin nội bộ, giao dịch nội bộ.

Chương VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 84. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị quyết định các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và người quản lý khác của Bộ máy điều hành.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận

trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được phân loại theo lĩnh vực như bên có quyền lợi liên quan, quy trình hoạt động và tính hiệu quả, tăng trưởng nội bộ và quản lý tri thức.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/ các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo quy định.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Điều 85. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị quyết định hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 84 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Hội đồng thi đua khen thưởng do HĐQT thành lập xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc lập kế hoạch trình HĐQT phê duyệt, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, KSV sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty và các nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 86. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị quyết định việc kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 87. Bổ sung và sửa đổi quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ cũng như Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 88. Ngày hiệu lực

1. Bản Quy chế này gồm 08 Chương, 88 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm của Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su nhất trí thông qua ngày tháng năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, phân công, phân cấp, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng Quản trị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công và cùng

chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định và các văn bản của Hội đồng Quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty;

b) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

g) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

i) Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;

j) Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên;

k) Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

l) Công ty là Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su;

m) HĐQT là Hội đồng quản trị;

n) BKS là Ban kiểm soát;

o) Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, giám sát và chỉ đạo toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc khác của Công ty, có toàn quyền quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trên cơ sở thảo luận và thống nhất trong biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành quyết định phân công trách nhiệm đối với từng lĩnh vực của các thành viên Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một hoặc nhiều lĩnh vực và phải báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc được phân công. Việc phân công trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty theo từng thời kỳ. Việc điều chỉnh phải có sự trao đổi, bàn bạc trước với các thành viên Hội đồng quản trị liên quan và nội dung sửa đổi phải được thông qua bằng nghị quyết.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị đã ban hành để kiến nghị với Hội đồng quản trị sửa đổi (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận (trường hợp vắng mặt phải có lý do chính đáng và báo trước cho HĐQT);

c) Báo cáo HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con và các doanh nghiệp khác có vốn góp đầu tư của Công ty tại cuộc họp HĐQT gần nhất khi có phát sinh;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với các Công ty khác trong đó thành viên Hội đồng

Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;

f) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc thuộc lĩnh vực được phân công;

g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ;

h) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ công ty;

i) Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty và quy chế này, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên;

j) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

a) Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.

b) Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.

c) Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày làm việc.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 người.

2. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty

có quy định khác. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước;

f) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có) là thành viên Hội đồng quản trị có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty, là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty.

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ

ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Công ty trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

f) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của công ty, kết quả quản lý điều hành của Tổng Giám đốc công ty;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định bãi nhiệm hoặc chấp thuận từ chức của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị;

c) Thành viên bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội;

e) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

f) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba ($\frac{1}{3}$) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba ($\frac{1}{3}$);

b) Số lượng thành viên độc lập (nếu có) Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b) Trình độ chuyên môn.

c) Quá trình công tác.

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác).

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

f) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị **từ 35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng với các hợp đồng và giao dịch sau đây: Giao dịch đầu tư/ bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác của công ty;

h) Thông qua đề Tổng Giám đốc quyết định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các Trưởng các phòng nghiệp vụ, Trưởng các đơn vị trực thuộc công ty;

i) Quyết định hoặc thỏa thuận về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người giữ chức danh chức vụ tại các đơn vị thành viên theo phân cấp quản lý của công ty; thực hiện theo quy định của Đảng ủy công ty và Hội đồng quản trị về quản lý người giữ chức danh chức vụ, người đại diện vốn trong công ty;

j) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc công ty;

k) Cử Người đại diện phần vốn góp của công ty và cử Người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao, quyền lợi và nghĩa vụ của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của công ty;

m) Ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin của công ty;

n) Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty; Quyết định thành lập, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty và quyết định việc góp vốn, thoái vốn, mua, bán cổ phần của doanh nghiệp khác;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

r) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

s) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

t) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

u) Đề xuất Đại hội đồng cổ đông việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

v) Phê duyệt các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

w) Quyết định các quy chế, quy trình, quy định quản trị nội bộ công ty thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị theo Điều lệ công ty;

x) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty;

y) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

z) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định, theo nguyên tắc đa số quá bán, mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với toàn công ty. Nghị quyết, quyết định và các văn bản của Hội đồng quản trị được đánh số, lưu trữ theo đúng quy định về quản lý hành chính hiện hành. Trong trường hợp ý kiến của Tổng Giám đốc khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông và cơ quan có thẩm quyền để xử lý; trong thời gian chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Giám đốc vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết, các phiếu biểu quyết có giá trị như nhau.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỉ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc

hợp đầu tiên thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

3. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

a) Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng một trong hai cách: biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không thể tổ chức họp.

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp tán thành bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

c) Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp.

d) Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

4. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

5. Các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị phải được thông qua trong cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:

5.1. Những nội dung phải thông qua Đại hội đồng cổ đông quyết định theo Điều lệ Công ty.

5.2. Những nội dung về kế hoạch, đầu tư, kinh doanh:

a) Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty để trình chủ sở hữu vốn;

b) Xác định mục tiêu hoạt động của công ty trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ công ty;

d) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, phê duyệt quyết toán dự án đầu tư trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị và giới hạn theo quy định của pháp luật;

e) Thông qua chủ trương liên kết đầu tư giữa công ty hoặc đơn vị thành viên với các đơn vị khác;

f) Thông qua các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư có ngân sách vượt 10% giá trị kế hoạch.

5.3. Những nội dung về tái cơ cấu, sắp xếp quy mô các đơn vị

a) Chủ trương thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn, góp vốn vào các đơn vị thành viên, đơn vị khác, việc mua lại cổ phần.

b) Về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ tại công ty và các đơn vị thành viên.

5.4. Những nội dung về tài chính

a) Xem xét, phê duyệt chủ trương xử lý các khoản nợ tồn tại, các khoản nợ phải thu khó đòi;

b) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thông qua việc thực hiện thế chấp, bảo lãnh vay vốn đối với các đơn vị thành viên;

c) Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức.

5.5. Những nội dung về tổ chức

a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác của công ty.

b) Thông qua đề Tổng Giám đốc quyết định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các Trưởng phòng nghiệp vụ, Trưởng các đơn vị trực thuộc công ty.

c) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc công ty.

d) Quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của công ty và cử Người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác; quyết định mức thù lao, quyền lợi và nghĩa vụ của những người đó.

e) Quyết định về cơ cấu tổ chức của công ty; Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

5.6. Các quy chế, quy định về quản trị nội bộ trong công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Các quyết định của Hội đồng quản trị

6.1. Những nội dung thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6.2. Những nội dung phát sinh thường xuyên do Hội đồng quản trị quyết định theo các quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ công ty, bao gồm:

a) Quyết định về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của các đơn vị thành viên.

b) Quyết định hoặc thỏa thuận cho cán bộ (thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị) đi công tác hoặc tham quan du lịch nước ngoài.

c) Quyết định hoặc thỏa thuận kế hoạch năm của các đơn vị thành viên trên cơ sở kế hoạch chung của công ty.

d) Quyết định hoặc thỏa thuận về việc phê duyệt đầu tư đối với các hạng mục đầu tư XDCB đã được Tập đoàn thỏa thuận trong kế hoạch XDCB hàng năm.

e) Quyết định thành lập các Hội đồng, các Ban chỉ đạo, các tổ chức thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

f) Các quyết định hoặc văn bản thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn của công ty trên cơ sở văn bản thỏa thuận của Tập đoàn.

g) Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan. Các thành viên Hội đồng quản trị cùng chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và chủ sở hữu, thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên

Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp.
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp.
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp.
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro,... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.
- c) Ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Tùy theo từng cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mở rộng thêm thành phần dự họp. Thành viên được mời có quyền tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b) Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc phương tiện thông tin liên lạc khác, hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính.

b) Thời gian, địa điểm họp.

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp.

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp và người ghi biên bản.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thay cho việc triệu tập họp để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay, qua email hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Họ và tên của thành viên Hội đồng quản trị.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Vấn đề cần lấy ý kiến.

d) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành, và không có ý kiến.

e) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Thư ký Hội đồng quản trị đúng thời hạn ghi trên phiếu lấy ý kiến; nếu quá thời hạn mà không gửi lại phiếu lấy ý kiến thì được xem như biểu quyết tán thành. Trong trường hợp không thể gửi lại kịp, thành viên Hội đồng quản trị có thể cho ý kiến trước bằng email hoặc tin nhắn gửi đến Thư ký Hội đồng quản trị.

6. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc 01 Kiểm soát viên. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau đây:

a) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.

b) Tổng số phiếu gửi đi, tổng số phiếu thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết.

c) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến.

d) Họ tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

7. Thư ký Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên cho giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan đến các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.
- b) Báo cáo tài chính.
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo tháng hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng Quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng Quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng Quản trị thì các thành viên Hội đồng Quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

2. Hội đồng quản trị bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị; điều hành hoạt động hàng ngày của công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của công ty và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của công ty.

4. Tổng Giám đốc được quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và các sự cố bất ngờ hoặc các quyết định trong trường hợp liên quan đến thời cơ và cơ hội kinh doanh trên cơ sở lợi ích của công ty. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với Hội đồng quản trị, đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định này.

5. Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc giải trình các quyết định liên quan đến hoạt động điều hành nhưng không can thiệp trực tiếp vào các công tác điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét và quyết định đối với các kiến nghị, đề nghị của Tổng Giám đốc trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

8. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị để đưa ra cuộc họp Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định cho phù hợp. Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

9. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý, năm, Tổng Giám đốc gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới của công ty cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty thường xuyên thông báo tình hình, kết quả hoạt động cho nhau.

10. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị cử tham dự phiên họp có quyền phát biểu ý kiến đóng góp, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc đột xuất cho Hội đồng quản trị.

11. Các đề án, chương trình do Hội đồng quản trị chủ trì xây dựng, Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp các nguồn lực và chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy nghiệp vụ thực hiện các công việc do Hội đồng quản trị chỉ đạo, phân công.

12. Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

13. Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị công ty xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

14. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

15. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban kiểm soát và các tổ chức chính trị - xã hội trong công ty

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát kịp thời.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu, tham dự các cuộc họp và trả lời các vấn đề mà các kiểm soát viên quan tâm.

5. Hội đồng quản trị bảo đảm tất cả các bản sao thông tin về tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chấp hành và thực hiện tốt nghị quyết, chủ trương của Đảng ủy công ty về nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ; phối hợp với Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội của công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

7. Hội đồng quản trị đảm bảo cho hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 26. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty không quá năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

2. Thư ký Hội đồng quản trị

Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị được quy định như sau:

a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thực hiện vai trò cầu nối giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc,

Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị thành viên,...

b) Thông báo cho Phòng Tổ chức Hành chính công ty chuẩn bị địa điểm, vật chất, trang thiết bị phục vụ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

c) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị.

d) Ghi biên bản họp, tham gia kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị.

e) Tiếp nhận, soạn thảo, trình ký và luân chuyển các văn bản liên quan của Hội đồng quản trị.

f) Chuyển giao hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị cho bộ phận văn thư lưu trữ.

g) Lên lịch công tác hàng tuần của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị để bố trí phối hợp công tác với các bộ phận có liên quan.

3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc để chuyên môn hóa, thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công ở thời điểm thích hợp.

b) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và một số tiểu ban khác nếu thấy cần thiết. Thời hạn hoạt động, tiêu chuẩn của các thành viên, chức năng cụ thể của từng Tiểu ban có thể được điều chỉnh và sẽ được quy định tại quyết định thành lập của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Đảm bảo các điều kiện làm việc khác của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, tiền lương và các lợi ích khác như quy định tại Điều 21 Quy chế này.

2. Bộ phận văn thư có trách nhiệm nhận và chuyển tất cả các công văn, tài liệu và văn bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, chuyển tiếp đến Ban điều hành, các Bộ phận nghiệp vụ hoặc các thành viên Hội đồng quản trị có liên quan để tham mưu, xử lý theo quy định.

3. Hội đồng quản trị có quyền làm việc, chất vấn, trao đổi trực tiếp và yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ công ty, người đại diện phần vốn góp của công ty tại các doanh nghiệp khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo quy định. Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của công ty và của các đơn vị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc công ty về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định hiện hành, các nghị quyết, quyết định, các quy chế của Hội

đồng quản trị đều sao gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Bổ sung, sửa đổi quy chế

1. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trong trường hợp các văn bản quy định của Nhà nước có thay đổi. Trường hợp Quy chế chưa thay đổi thì thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Những nội dung liên quan đến hoạt động và các vấn đề khác của Hội đồng quản trị không có trong quy chế này, thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị công ty bao gồm 07 Chương, 29 Điều.

2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng nghiệp vụ, lãnh đạo các đơn vị thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU VÀ XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025.

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm số/NQ-HĐQT/BC ngày tháng năm của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm

trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam. Ban kiểm soát có ít nhất (01) một Kiểm soát viên chuyên trách.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Ban kiểm soát có thể bổ sung thêm một số chuyên viên giúp việc.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn Tập đoàn tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 3 Quy chế này, Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Tổ chức xây dựng và thực hiện chương trình kế hoạch giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị;

e) Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; Phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên;

f) Ủy quyền cho Kiểm soát viên khác đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt;

g) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty;

h) Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo hàng năm sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

i) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cử, ứng cử người tham gia Ban kiểm soát; Số lượng ứng viên được quyền đề cử, ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo Điều lệ công ty. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát

thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Kiểm soát viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Kiểm soát viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm

soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của

Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

26. Thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc kế hoạch tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát tại Công ty và các đơn vị thành viên.

27. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát, được quyền yêu cầu lãnh đạo đơn vị thành viên, người đại diện vốn của Công ty tại các đơn vị thành viên cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

28. Trong trường hợp cần thiết Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý trong Công ty tham gia thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

4. Người phụ trách quản trị/ Thư ký Hội đồng quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng Ban ủy quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 06 tháng một (01) lần, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị;

b) Trưởng Ban kiểm soát hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) Kiểm soát viên.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ trở lên với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành Công ty khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trưởng Ban kiểm soát và Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
2. Trưởng Ban kiểm soát và Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước

Ban kiểm soát thông qua Hội đồng quản trị để tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Quan hệ với cổ đông

1. Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 21. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm,

quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

a) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và Người quản lý khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

c) Đối với hoạt động của Tổng Giám đốc, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, Ban kiểm soát có quyền gửi thông báo đến Tổng Giám đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi gửi yêu cầu, Ban kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng Giám đốc.

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất [48] giờ.

e) Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

2. Trưởng Ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát được sử dụng con dấu của Công ty trong việc phát hành các văn bản của Ban kiểm soát; được Văn phòng và các phòng của Công ty cung cấp thông tin về quản lý nghiệp vụ theo hệ thống phát hành văn bản trong nội bộ của Công ty;

3. Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp giao ban Tổng giám đốc, các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Công ty với các phòng chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc và các cuộc họp sơ kết, tổng kết của Công ty.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo

mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;

2. Các Nghị Quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm gửi đến Tổng Giám đốc;

3. Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, thì Kiểm soát viên kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn, thì Trưởng Ban kiểm soát bàn bạc với Hội đồng quản trị giải quyết sau đó có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

4. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra giám sát nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

5. Các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban kiểm soát để thẩm định, chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

6. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong Báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

7. Trong trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 24. Quan hệ với các Kiểm soát viên kiêm nhiệm tại doanh nghiệp khác (Kiểm soát viên do Công ty cử tại đơn vị khác)

1. Người lao động đang làm việc và hưởng lương tại Công ty, được Công ty cử tham gia làm Kiểm soát viên kiêm nhiệm tại các doanh nghiệp khác (gọi tắt là Kiểm soát viên kiêm nhiệm) có trách nhiệm gửi tất cả các Báo cáo kiểm soát của mình và của Ban Kiểm soát tại doanh nghiệp đó cho Người đại diện; đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát của Công ty.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Kiểm soát viên kiêm nhiệm kịp thời báo cáo với Công ty (qua Người đại diện vốn của Công ty và Ban Kiểm soát của Công ty) khi doanh nghiệp không thực hiện đúng chỉ đạo của Công ty hoặc có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm các quy định quản lý nội bộ của doanh nghiệp, của Công ty, có nguy cơ ảnh hưởng đến việc bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty; trong báo cáo đồng thời đề xuất, kiến nghị các biện pháp chấm dứt, khắc phục hậu quả các sai phạm trên.

Điều 25. Quan hệ với các đơn vị thành viên

1. Đối với các công ty TNHH một thành viên

a) Hội đồng thành viên của công ty TNHH Một thành viên thuộc Công ty gửi các Nghị quyết cho Hội đồng quản trị của Công ty thì đồng thời gửi Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Hội đồng quản trị để theo dõi, giám sát;

b) Khi kết thúc niên độ tài chính năm, đơn vị có trách nhiệm gửi Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán độc lập về Ban kiểm soát của Công ty để giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư, tình hình tài chính của đơn vị;

c) Định kỳ hàng quý, năm, Kiểm soát viên các công ty TNHH Một thành viên căn cứ vào Kế hoạch kiểm tra giám sát đã được Hội đồng quản trị của Công ty phê duyệt gửi báo cáo kiểm tra, giám sát có nhận xét, đề xuất, kiến nghị (nếu có) cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty, thì đồng thời gửi Ban kiểm soát của Công ty;

d) Khi có kế hoạch công tác của Ban kiểm soát của Công ty tại đơn vị mình thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Người đại diện vốn của Công ty tại đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên các công ty TNHH Một thành viên cùng phối hợp làm việc và cung cấp các thông tin liên quan theo yêu cầu và quy định.

2. Đối với các công ty giữ cổ phần và vốn góp chi phối

a) Người đại diện vốn hoặc Người đại diện giữ số vốn cao nhất (trong trường hợp có từ 02 người đại diện vốn trở lên) của Công ty có trách nhiệm gửi cho Ban kiểm soát của Công ty các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông theo định kỳ hay bất thường, nhằm kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty cũng như việc thực hiện các thỏa thuận mà Công ty đã thỏa thuận để người đại diện vốn thực hiện các quyền của mình trong việc quản lý công ty;

b) Khi kết thúc niên độ tài chính, Người đại diện vốn hoặc Người đại diện giữ số vốn cao nhất (trong trường hợp có từ 02 người đại diện vốn trở lên) của Công ty có trách nhiệm gửi Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán độc lập cho Ban kiểm soát của Công ty;

c) Người đại diện vốn của Công ty tại đơn vị đề nghị Kiểm soát viên đơn vị gửi báo cáo kiểm tra, giám sát hàng quý, năm cho Ban kiểm soát của Công ty để theo dõi, giám sát;

d) Khi có kế hoạch công tác của Ban kiểm soát của Công ty tại đơn vị mình thì Người đại diện vốn của Công ty tại đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Tổ chức thực hiện

Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Trưởng các phòng nghiệp vụ công ty, lãnh đạo các đơn vị thành viên, trực thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su bao gồm 07 Chương, 27 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**- DANH SÁCH NHÂN SỰ ỨNG CỬ
VÀO HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NK 2025 - 2030
- DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2025**



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XNK CAO SU
CAO SU

/NQ-ĐHĐCĐRBC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP & XNK CAO SU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su đã được sửa đổi, bổ sung và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/4/2023;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu cao su ngày 16/5/2025,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 134.022.682.150 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.457.406.311 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 3.457.406.311 đồng

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

Theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài Chính quy định: Công ty cổ phần có cổ phần của Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ để xác định lợi nhuận sau thuế làm cơ sở phân phối.

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của công ty đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế là: 3.457.406.311 đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2024 là: - 674.395.245 đồng. Công ty không thực hiện trích lập các quỹ và không chi trả cổ tức năm 2024.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

3. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

4. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

5. Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất, riêng năm 2024 đã kiểm toán của Công ty.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

* Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Riêng):

- Tổng doanh thu : 84.024.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.720.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.720.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XD CB : 13.700.000.000 đồng

Chỉ tiêu lợi nhuận đã bao gồm lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Đồng Hòa và Công ty TNHH MTV TM & Địa ốc Hồng Phúc.

* Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su (Hợp nhất):

- Tổng doanh thu : 309.231.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3.400.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2.720.000.000 đồng
- Tổng nhu cầu vốn XD CB : 26.440.000.000 đồng

7. Tổng nhất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 :

Lợi nhuận sau thuế phân phối: 2.720 triệu đồng

- + Bù lỗ lũy kế : 674 triệu đồng
- + Trích quỹ đầu tư phát triển : 510 triệu đồng
- + Trích quỹ thưởng người quản lý : 200 triệu đồng
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 333 triệu đồng
- + Chia cổ tức (1% VDL) : 1.003 triệu đồng

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận chính thức năm 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025:

8.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty chọn 01 trong 03 đơn vị sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

- Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

8.2. Trường hợp 3 đơn vị này không tham gia, giao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025..

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

9. Thống nhất kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030:

Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030 gồm 05 thành viên:

-
-
-
-
-

10. Thống nhất kết quả bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025-2030:

Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2025 – 2030 gồm 03 thành viên:

-
-
-

11. Thông qua và ban hành các quy chế:

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

12. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Quy chế khác phục vụ hoạt động của Công ty.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

13. Thống nhất mức lương, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2025:

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 24.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người quản lý: hạng III PL 02 của Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

- Tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chuyên trách: 21.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người quản lý: hạng III PL 02 của Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 19.000.000 đồng/tháng (theo tiêu chí xếp hạng Doanh nghiệp Người quản lý: hạng III PL 02 của Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020).

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 1.000.000 đồng/tháng/người.

- Thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách: 1.000.000 đồng/tháng/người.

- Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của Công ty con: mức lương, mức thù lao sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

14. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với Chủ tịch Công đoàn Công ty quyết định sử dụng các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi (nếu có) theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể.

Tỉ lệ số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội: % đồng ý

Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công nghiệp & XNK Cao su năm 2025 quyết tâm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội đề ra để xây dựng Công ty ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH LÝ LỊCH TRÍCH NGANG NHÂN SỰ
ỨNG CỬ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU
NHIỆM KỲ 2025-2030

Stt	Họ và Tên	Năm sinh		Số CCCD	Quốc tịch	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ			Chức vụ		
		Nam	Nữ					Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Đảng	Chính quyền	Đoàn thể
1	Nguyễn Hồng Minh	23/11/1972		04007200129	Việt Nam	Bắc Giang	87 Đường số 1, KDC CityLand, Phường 1, Quận Gò Vấp, TP. HCM	12/12	Thạc sỹ kinh tế	Cao cấp	Chi ủy viên Chi bộ TCKT Tập đoàn	Người đại diện vốn của Tập đoàn CN CSVN, Phó Trưởng ban Tài chính kế toán Tập đoàn CN CSVN	UVBCH Công đoàn cơ quan Tập đoàn
2	Giang Hoa Vũ	02/09/1969		019069000367	Việt Nam	Thái Nguyên	89-91 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	12/12	Thạc sỹ kinh tế	Cao cấp	Phó Bí thư Đảng ủy Công ty	Người đại diện vốn của Tập đoàn CN CSVN, TV HĐQT, TGD Công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV CBG Đồng Hòa	
3	Lê Tuấn Linh	04/07/1968		075068006638	Việt Nam	Bình Dương	Số 8 Đặng Thai Mai, phường 7, Quận Phú Nhuận, TP. HCM	12/12	Kỹ sư cơ khí	Cao cấp	UV. BTV, CN.UBKT Đảng ủy Công ty	Người đại diện vốn của Tập đoàn CN CSVN, TV.HĐQT, Phó TGD Công ty, Giám đốc Công ty TNHH MTV CBG Đồng Hòa	
4	Phan Đình Phúc	10/10/1965		070065001088	Việt Nam	Bình Định	KP Phú Trung, Phường An Lộc, TX Bình Long, Tỉnh Bình Phước	12/12	Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý	Cao cấp	Bí thư Đảng ủy Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
5	Nguyễn Thị Hiền Trang		04/07/1984	075184016328	Việt Nam	An Giang	Số 30, Đường 8, Khu Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM	12/12	Cử nhân kinh tế	Cao cấp	Bí thư chi bộ phòng Thủ trưởng kinh doanh	Phó Trưởng phòng Thủ trưởng kinh doanh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2025
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ QUAN QUẢN TRỊ
CỔ PHẦN CHẾ TẠO
CÔNG NGHIỆP VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU
CAO SU
QUẬN 3, T.P. HỒ CHÍ MINH
Phan Đình Phúc

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH LÝ LỊCH TRÍCH NGANG NHÂN SỰ
ỨNG CỬ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK CAO SU
NHIỆM KỲ 2025-2030

Stt	Họ và Tên	Năm sinh		Số CCCD	Quốc tịch	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ			Chức vụ		
		Nam	Nữ					Văn hóa	Chuyên môn	Chính trị	Đảng	Chính quyền	Đoàn thể
01	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp		24/07/1973	079173015940	Việt Nam	Trà Vinh	141 đường 51, phường Tân Quý, Quận 7 - Tp. Hồ Chí Minh	12/12	Cử nhân kinh tế	Trung cấp		Trưởng ban kiểm soát Công ty	
02	Hoàng Quỳnh Ngọc Thảo		15/10/1983	075183003526	Việt Nam	Đồng Nai	201/46/2B Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	12/12	Thạc sỹ QTKD			Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn CNCsvn, thành viên BKS Công ty	
03	Võ Thị Quỳnh Tiên		20/10/1979	075179015263	Việt Nam	Đồng Nai	Số 23, đường 11, KP Trung Tâm, phường Xuân Lập, TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.	12/12	Cử nhân kinh tế	Trung cấp		Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2025



Phan Đình Phúc